

Bài 67. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Đọa Xứ | Sư Giác Nguyên giảng 29/05/2018

Chúng ta ôn lại bài kinh hôm qua một chút. Chúng ta nhớ lại giáo lý Tứ Đế. Có bốn sự thật chúng ta bắt buộc phải thấy, thấy nó bằng trí tuệ giác ngộ để không còn là phàm phu nữa, không còn sanh tử nữa:

Một, sự thật thứ nhất là mọi hiện hữu ở đời là khổ. Dầu tất cả những thứ gì đó thuộc về sáu căn hay sáu trần, thì hễ hiện hữu ở đời, nó đều là khổ trực tiếp hay gián tiếp.

Hai, sự thật thứ hai, nếu mọi thứ ở đời là khổ, thì những gì ta thích thú, kiếm tìm, đam mê, hưởng thụ cũng đều là trong khổ hết. Mình thích trong khổ có nghĩa là mình đang kín đáo, âm thầm, lặng lẽ tạo thêm cái khổ mới.

Ba, sự thật thứ ba là nếu muốn hết khổ thì không tiếp tục thích trong khổ nữa.

Bốn, sự thật thứ tư là khi sống bằng ba nhận thức trên đây là chúng ta đang có mặt trên con đường thoát khổ.

Trong bài kinh hôm qua, chúng ta có nhiều cách để đam mê trong khổ lắm. Nghĩa là có nhiều cách “yêu đời” lắm.

Cách một là chúng ta tưởng tiếc về quá khứ bằng niềm đam mê.

Thứ hai là chúng ta tận hưởng sáu trần trong hiện tại, trước mắt.

Thứ ba là chúng ta hoài vọng, ước mơ, nghĩ tưởng, trù hoạch, sắp đặt về sáu trần trong tương lai.

Dầu là đam mê trong sáu trần thời điểm nào thì cũng là đam mê trong khổ. Chính vì hiểu chỗ này nên hành giả không tiếp tục để mình rong ruổi kiếm tìm trong sáu trần nữa, dầu đó là sáu trần từ quá khứ, tương lai hay là hiện tại.

Để thực hiện được kiểu sống không đam mê đó chỉ có một cách duy nhất thôi. Đó là sống chánh niệm: làm gì biết nấy. Đang sống bằng cảm xúc gì, biết rõ. Đang sống bằng tâm trạng gì, biết rõ. Thân tâm đang trong hoạt động nào, biết rõ. Chỉ vậy thôi, được gọi là tu tập Bốn niệm xứ, hay là Tuệ quán, Minh sát tuệ, tu tập Vipassana. Đó là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát.

Phẩm Đọa Xứ

Chúng ta học qua kinh mới là Phẩm Đọa Xứ.

Ở đây có ba vấn đề đặc biệt lưu ý: Đức Phật dạy có ba hạng người sau khi chết phải đi vào chỗ sa đọa. Dĩ nhiên ở chỗ khác thì Ngài nói khác. Thí dụ Ngài nói những ai tán thán người đáng chê, bài xích người đáng kính là con đường đi vào địa ngục. Rồi có những chỗ Ngài nói: ai sống trong tham, sân, si thì sẽ đi vào địa ngục. Có chỗ Ngài nói: ai sống trong tà kiến, trong ác tuệ, trong ác hạnh, sống trong ác nghiệp thì sẽ đi vào sa đọa địa ngục.

Nhưng ở chỗ này Ngài lại có cách nói khác. Ngài nói có ba hạng người sẽ đi vào địa ngục, trừ khi họ không tiếp tục như vậy nữa. Ba đoạn này, bài kinh này còn được nhắc đến trong Luật Tạng chứ không chỉ riêng ở đây.

Tội phải đọa thứ nhất là mạo nhận đạo hạnh

Là những người không đạo hạnh, không Giới, không Định, không Tuệ mà cố ý hướng dẫn nhận thức và niềm tin người khác một cách sai lạc, để cho người khác nghĩ rằng mình là người có đạo hạnh, có Giới, có Định, có Tuệ.

Chuyện này mới nghe qua thì không có gì ghê gớm, nhưng thực ra nó lại rất ghê gớm. Bởi vì trên đời này chỉ có hai hạng chúng sinh thôi. Bên Phật giáo Nguyên thủy thì dầu Thánh hay phàm cũng đều gọi chung là chúng sinh hết. Còn đa phần Phật tử Việt Nam đọc kinh Bắc truyền, học Duy thức, Bát nhã, Hoa nghiêm thì khá. Còn những ai không học thì chỉ biết A Di Đà, biết Quan Âm, biết ăn chay thôi, thì họ có

những khái niệm rất lạ. Thí dụ họ hiểu là Phật thì khác, chúng sanh khác. Nhưng bên Phật giáo Nguyên thủy thì Phật hay chúng sanh đều là chúng sanh hết. Có điều trong chúng sanh chia làm hai là phàm và Thánh.

Tất cả chúng sanh có hai hạng là phàm và Thánh. Phàm là những người còn y chang, y nguyên phiền não, không dứt mẻ gì hết. Còn Thánh là chỉ cho những vị đã lìa bỏ một phần hoặc toàn bộ phiền não. Có nghĩa là những vị này chỉ còn có khả năng tái sinh nhiều lắm là bảy kiếp. Từ cái hạng này trở lên được gọi là Thánh nhân.

Sở dĩ mạo nhận đạo hạnh được xem là trọng tội là tại sao? Là bởi vì có biết bao nhiêu kẻ trong cuộc đời này họ phải tối mày tối mặt trong đau khổ. Họ đi tìm nường một đối tượng xứng đáng để tìm lối thoát, tìm ra một giải pháp cho mình. Khổ thay, đối tượng họ gặp không phải lúc nào cũng là Thánh nhân, không phải lúc nào cũng là bậc đạo hạnh xứng đáng, không phải lúc nào cũng là tấm gương sáng.

Nếu bất hạnh mà họ va đầu vào những tà sư ác hữu thì có phải họ tiêu ma một kiếp người hay không? Làm thân con gái lấy chồng nhằm bến đục là đã khổ một đời; là bệnh nhân mà gặp phải lang băm là coi như cũng tiêu một đời. Bây giờ một người đi cầu đạo giải thoát mà phải va đầu vào thứ tà sư ác hữu thì có phải hại cho họ hay không?

Cả một đời dạy người ta một con đường không ra gì hết. Bắt người ta phải nhìn mình như một tấm gương sáng. Nếu may mắn, người học đạo mà “y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ” thì còn đỡ. Mà đa phần chúng sinh cứ coi ông thầy là thần tượng. Nếu một mực họ tin đó là minh sư, là Bồ-tát nhục thân, rồi họ bài xích, chà đạp những người nào không giống sư phụ, hoặc là những ai mà sư phụ bài xích, chê bai thì cũng hòa theo; như vậy cả thầy lẫn trò dắt nhau về chốn đọa lạc!

Và hiếm bao giờ một người tà hạnh, tà sư có cái gan họ nhận là họ tào lao. Hiếm lắm! Thế là mình bầy một mình mình, mình còn dắt theo cả một đám đông cũng bầy theo.

Mấy mươi, mấy chục năm trời đi thờ một vị thầy với những lời hướng dẫn không ra gì, tiêu mất, hoang phí một đời.

Thân người khó được mà Chánh pháp khó gặp. Lẽ ra trong hai điều kiện có được thân người mà sanh ra trong thời kỳ Phật pháp thì chúng ta có cơ hội học biết bao nhiêu Phật pháp. Đằng này chúng ta lại mất thời gian cung đốn, hầu hạ, tận tụy với một người thầy không ra gì, thử hỏi có hoang phí lắm không?

Rất nhiều lần tôi nói với bà con là tất thấy những hướng dẫn của thiền sư, giảng sư, pháp sư, luận sư đều ít nhiều mang dấu ấn cá nhân của họ. Mình là người đi tìm Đạo, cầu Đạo giải thoát, mình phải có cái đầu riêng tư, phải có chủ kiến, phải có lập trường. Nghe! Chứ còn cầm đầu thờ thầy mà không có chủ kiến, thầy nói sao nghe vậy, mất tiêu một đời. Đến lúc trăm tuổi, nằm hấp hối, nhớ lại mấy chục năm qua mình đã học cái gì, đã hiểu cái gì, nhớ được cái gì, quan trọng nhất là đã hành trì được cái gì, thì có phải hoang phí thân người, hoang phí cơ hội gặp Chánh pháp hay không?

Đây chính là lý do vì đâu mà mạo nhận đạo hạnh bị xếp là trọng tội, trọng nghiệp đáng đọa địa ngục. Nhớ nghe! Bởi vì bản thân

Mình đã hoang phí cơ hội làm người, mà mình còn đẩy cho bao nhiêu người khác hoang phí cơ hội học đạo, cơ hội làm người, cơ hội giải thoát của họ. Tội này cộng lại nó lớn cỡ nào?

Chưa kể, một người mạo nhận hiền thánh, họ đã vẽ ra một hình ảnh móp méo, sai lầm về Thánh nhân. Chớ không phải riêng họ bậy và họ dặt một đám đệ tử bậy đâu, mà họ còn thêm tội cố ý bóp méo hình ảnh Thánh nhân thứ thiệt, làm sai hình ảnh chân dung Thánh hiền ba đời mười phương.

Cho nên người mạo nhận đạo hạnh gây ra ba tội lớn: một là bản thân dễ duôi; tội hai là làm hoang phí cơ hội làm người và học đạo của bao nhiêu thiên hạ; tội thứ ba là bóp méo, vẽ sai hình ảnh Thánh hiền ba đời mười phương.

Trừ phi họ nhận ra lỗi lầm của mình, sớm tắt đài, cầm nín, đừng tiếp tục mạo nhận nữa. Tôi phải nói thiệt là tôi có giúp gì cho bà con về Phật pháp thì tôi giúp, chớ tôi chưa bao giờ đại dốt trông đợi, mong mỏi hay hy vọng bà con coi tôi là Thánh hiền, vì ba cái bậy:

Một, sớm muộn gì giấy không gói được lửa, kim giấu lâu ngày trong bọc cũng lòi ra, lúc đó là lúc nhục.

Hai, tui cũng còn tuổi già, tui cũng còn cái chết, tới giây phút cuối đời tôi sẽ ra đi ra sao.

Ba, ít gì tôi cũng còn một chút thời gian riêng tư để soi gương chữ, trong nhà tắm, trong phòng ngủ. Nhe!

Cho nên bê bối cỡ gì đi nữa thì làm ơn mình giấu là đã giỏi lắm rồi. Còn đảng này mình mạo nhận là gớm lắm!

2. Tôi phải đọa thứ hai là tấn công vô căn cứ

Trường hợp thứ hai đáng đi vào địa ngục. Lỗi thứ nhất là mạo nhận, tức là mình không phải vậy mà mạo nhận như vậy. Lỗi thứ hai là tấn công, tiếng Pali là (...), là vô căn cứ. Tức là vì ác cảm, vì thành kiến đối với một cá nhân nào đó có đạo hạnh rồi chà đạp người ta, công kích, dè bieu, bài xích, phỉ báng người ta.

Như hồi nãy tôi nói, có ba lý do để cho người mạo nhận đạo hạnh phải đi vào địa ngục:

Một là bản thân mình bê bối đáng bị đọa.

Thứ hai, dắt một đám đông cho họ cùng bê bối như mình.

Ba, bôi xấu hình ảnh Thánh hiền ba đời mười phương.

Thì tội thứ hai này có một phần nằm ở tội một. Khi mình bài xích, dè bủ, phỉ báng một bậc chân tu đạo hạnh, có nghĩa là mình bôi tro trát trấu lên trên tôn dung, hình ảnh chân thật của người chơn chánh. Tội này không phải nhẹ.

Vì sao? Vì người lành tiêu biểu cho pháp lành, người thiện tiêu biểu cho pháp thiện, bậc Thánh tiêu biểu cho pháp của Thánh nhân. Khi mình tấn công ba người này có nghĩa là mình đã phóng uế, bôi tro trét trấu lên diện mạo thiện pháp, của pháp Thánh nhân, lên chân lý ở đời. Cái tội này dứt khoát là đáng vào địa ngục.

Vấn đề ở đây không phải là tấn công một cá nhân, mà là mình đã dựng lên một hình ảnh sai lệch về chánh pháp, về chân lý, về sự thật, về lẽ thiện ở đời. Nó nặng là nặng chỗ đó.

3. Hạng người thứ ba đáng dọa địa ngục

Trường hợp tội thứ ba này mới mẻ mỗi, là lớn chuyện nè.

Có những người cả đời họ thấy là không có làm gì ghê gớm. Họ không đâm cha chém chú, không đâm heo thuốc chó, bán nước cầu vinh, lừa thầy phản bạn, đốt nhà cướp của giết người, hà hiếp phụ nữ trẻ con, người già người yếu, họ không có làm. Họ chỉ cho họ cái quyền được tận hưởng những cái họ có trong tay.

“Những cái đó có lỗi làm gì đâu, vì tôi đổ mồ hôi xót con mắt để kiếm, có thì hưởng”.

Ta có quyền nghĩ: “Tôi là một cư sĩ có 5 giới, tôi có quyền sinh hoạt như một cư sĩ miễn là không phạm 5 giới”. Nghĩ vậy là không sao.

“Tôi là cư sĩ, tôi giữ Bát giới, tôi làm sao làm miễn không phạm Bát giới thì thôi”. Nghĩ vậy thì không sao.

Nhưng một người xuất gia hoặc một người cư sĩ mà lại nghĩ rằng chuyện hưởng dục là không sao, thì suy nghĩ này là một thứ tà kiến.

Tại sao ở đây không nói đến thiên mà Đức Phật nhấn mạnh đến cái dục? Là vì đối tượng Ngài nói là những người đang ở cõi Dục, người có khuynh hướng hưởng dục. Đa phần chúng sanh trong cõi Dục nếu không học Phật pháp đều cho mình cái quyền này. Nghĩ rằng: một người xuất gia, người ta cho thì tui xài, phước tui nhiều đời tui tạo phước bố thí thì giờ tui hưởng, tui đâu có tà mạng, gạt gẫm lừa đảo, lươn lẹo gì đâu.

Nghĩ như vậy cũng là một thứ trọng tội.

Người cư sĩ cũng vậy. Khi nghĩ: “Tôi đổ mồ hôi sôi nước mắt để có những thứ này tôi có quyền hưởng thụ chứ”. Quý vị có quyền hưởng thụ, nhưng quý vị phải biết đó là lỗi lầm. Phải biết!

Tôi nhấn mạnh lần nữa, các vị là cư sĩ, các vị làm sao không phạm 5 giới, 8 giới rồi, các vị nghĩ có quyền. OK, cái đó không sao, nhưng cái này là sai. Các vị nghĩ cái này không có lỗi là sai. Bởi vì cái đó là tà kiến. Hưởng dục là sống bằng tâm tham. Sống bằng tâm tham thì làm sao không tội lỗi được?

Đối với người xuất gia cũng vậy. Nghĩ là: tôi không có tà mạng, tôi không lừa đảo quần chúng, không gạt gẫm thiên hạ, cái tôi có là tôi nhận được một cách lương thiện từ dạy học, thuyết pháp, hoặc là tôi dễ thương, người ta nhìn mặt người ta cho tôi thôi. Đúng! Trước mắt anh không có tà mạng, nhưng bất cứ giây phút nào anh sử dụng phương tiện vật chất với một suy nghĩ rằng đây là không lỗi lầm, mình có thể thích thú tận hưởng nó mà không lỗi lầm, thì đây là một thứ tà kiến. Bởi vì hễ khi mình tận dụng vật chất bằng tâm tham thì đó là tội lỗi.

Dĩ nhiên chữ “tội lỗi” trong tinh thần Phật pháp rất ráo nó không giống như ngoài đời. Ngoài đời, hiểu tội lỗi là người ta dựa trên nhiều phương diện như khía cạnh pháp luật, quan niệm đạo đức xã hội, hoặc quan niệm đạo đức của một tầng lớp nào đó. Nhưng riêng trong Phật pháp thì bất cứ lúc nào, thời điểm nào tâm tham, tâm sân, tâm si có mặt thì giây phút đó gọi là tội lỗi.

Cho dầu lúc đó mình đang ngồi trước bàn Phật, tay đang chấp, mắt đang nhắm, miệng đang tụng kinh, mà lúc đó đang có một cái vọng niệm phiền não tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi nó lướt qua cái đầu của mình, thì ngay khoảnh khắc đó vẫn gọi là khoảnh khắc tội lỗi!

Còn hiểu tội lỗi là bị pháp luật, xã hội lên án, trừng trị, dè bủ, coi khinh, là cái hiểu kiểu ngoài đời. Trong Phật pháp, giết người cũng là tham, sân, si; trộm cắp, giứt vợ giứt chồng, phá gia cang người khác cũng là tham, sân, si; mà ngồi yên tụng kinh mà bằng cái tâm tham, sân, si thì cũng là tội lỗi.

Cho nên đừng tưởng mặc áo lam, áo tràng là hết tội, bởi vì chuyện bên ngoài áo lam mà trong lòng lười lam thì chuyện đó rất là thường, thì đó cũng là tội lỗi!

Cho nên trường hợp thứ ba này lớn chuyện lắm.

Bởi nó đã động tới cõi riêng của rất nhiều người sơ cơ mới học đạo. Họ nghe họ sốc!

Ta phải luôn luôn nhớ rằng: giây phút nào mình sống bằng tham, bằng sân, bằng si thì giây phút đó là tội lỗi. Phải nhớ như vậy! Cho dầu đó là trước điện Phật, trong thiền viện, trước mặt Thánh hiền Tăng, mà nếu bản thân mình có tham, có sân, có si thì giây phút đó được gọi là giây phút tội lỗi.

Còn nếu như chúng ta nghĩ ngược lại, nghĩ rằng: “Trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó thì tôi có quyền tham sân si, và tham sân si ấy không phải là tội lỗi”, thì cái suy nghĩ này, cái nhận thức này được gọi là tà kiến, được gọi là tội lỗi. Mà đã gọi là tội lỗi thì trong các tội lỗi, tội lỗi này được xem là lớn lắm, nó đáng đi vào địa ngục! Bởi vì khi mình nghĩ hưởng thụ là vô tội thì có nghĩa là cả đời mình chìm sâu trong dục, chìm sâu trong hưởng thụ.

Trong Kinh kể một câu chuyện này mới khiếp: đại đa số những người có phước báo sanh về các cõi trời thì 99,9%, sau khi chết, các ông tiên, bà tiên, cô tiên, cậu tiên đều bị sa đọa.

Vì sao? Là vì tuyệt đại đa số họ sau khi về trời không biết đau bệnh, không biết sanh ly tử biệt, không biết mất mát đổ vỡ, không biết chờ đợi đón đau, không biết gì hết. Họ chỉ hưởng thôi. Trải qua nhiều triệu năm như vậy, nội tâm họ đầy ắp những phiền não. Các vị tướng tượng mình vài ba chục năm sống gian ác, lúc chết đã không nhắm mắt rồi, nói chi nhiều triệu năm họ chỉ sống thường thụ thôi.

Lúc nào cũng gió mát trăng thanh, lầu vàng điện ngọc, thơm ngát, mát lạnh. Muốn rượu có rượu, muốn trai có trai, muốn gái có gái, muốn ăn có ăn, muốn chăn êm nệm ấm thì có chăn êm nệm ấm, muốn thơm có thơm, muốn đẹp có đẹp. Thì cái kiểu đó, các vị tướng tượng suốt nhiều triệu năm như vậy thì tâm hồn họ toàn là phiền não không!

Cho nên bài Kinh này là tiếng chuông đánh động vào tâm thức của những người lâu giờ cứ tưởng mình biết Phật pháp, mà không ngờ cái kiểu biết của mình nó không cứu mình được khi mình mắc vào một trong ba cái lỗi, ba cái trọng tội này:

Thứ nhất, mình không phạm hạnh, không đạo hạnh mà tìm đủ mọi cách chứng minh cho thiên hạ rằng mình là người đạo hạnh, mạo nhận hiền thánh.

Trường hợp thứ hai là dè bieu, công kích, phỉ báng một người có đạo hạnh.

Tội thứ ba là tự cho phép mình sống hưởng thụ, tận hưởng vật chất với một niềm tin rằng đó là vô tội.

Trong room này ai nghe bài Kinh này tin hay không thì tùy. Sẵn đây tôi nói luôn. Đêm qua tôi có đọc một comment trong Shinsapa của một người quen, có một ông nào đó có nick là Bần Tăng, thắc mắc về câu chuyện bà Malika cả đời thờ Phật, tin Phật, vậy mà chết sanh về địa ngục A-tỳ. Ông này mới ngạc nhiên: sao nói địa ngục A-tỳ là dành cho những người ngu nghịch đại tội thôi?

Sẵn đây tôi nói luôn: cái bậy nhất của người Việt Nam là sợ đọc Kinh. Tôi xin xác định, không có Kinh nào nói quái gở như vậy. Không có Kinh nào nói địa ngục A-tỳ

là dành riêng cho những người ngũ nghịch đại tội. Đúng là ngũ nghịch đại tội là phải sanh vào A-tỳ, nhưng A-tỳ nó còn chứa bao nhiêu loại khác nữa, chứ không phải chỉ dành riêng cho ngũ nghịch đại tội. Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, trong Kinh nói rất rõ: một tội sát sanh hay tội trộm cắp, một tội nói dối, một câu nói phạm thượng, có những trường hợp nó không đáng gì, nhưng có những trường hợp nó là đại tội, là trọng nghiệp, các vị có biết không? Làm ơn nhớ dùm cái này.

Theo cái người xưng là Bần Tăng đó, họ thắc mắc: một câu nói dối sao đọa địa ngục? Thì tôi xin nhắc kẻ ấy rằng: có trường hợp mình cầm lên sợi dây, chỉ là sợi dây thôi. Nhưng có trường hợp mà mình cầm sợi dây lên, mình đi vào tù, các vị có biết không? Nếu đầu sợi dây kia nó có con bò của người khác.

Có trường hợp mình ho cả đêm không sao, mà có trường hợp mình ho một tiếng, mình vô tù, các vị biết không? Bởi vì mình đang là ăn trộm. Mình ho trong nhà của người ta, các vị nghe kịp chưa?

Ở đây cũng vậy. Có nhiều trường hợp mình nói dối, nó chỉ là cái ác nghiệp nhỏ nhen. Nhưng nếu là trường hợp nói dối để lừa đảo đám đông, lừa đảo một cá nhân đạo hạnh thì lời nói dối này là trọng nghiệp rồi.

Sát sanh cũng vậy. Có nhiều khi cả đời săn bắn, câu cá không ghê bằng xuống tay giết một người ơ hoặc là một người đức hạnh. Hoặc là xuống tay giết nhằm một con thú, một con cá, một con chim mà nó vốn là nhục thân Bồ-tát, thì tội này nặng kinh hoàng lắm. Chứ đừng tưởng mình câu con cá, mình giết một con nai thì con nai nào cũng như con nai nào. Chưa chắc đâu nghe, cái đó không chắc.

Hoặc là một câu nói có tính châm biếm đối với một phạm phu không có đạo hạnh, mình chửi họ một đời không có ghê gớm bằng một lời xúc phạm đối với bậc đạo hạnh chân tu, nhất là bậc hiền thánh.

Nói dối cũng vậy. Nhiều khi mình nói dối, nói đùa, nói vui, lừa cả một đám đông vui vui như vậy, không có ý gian thì nó khác. Còn nếu như mình có ý lừa đảo đám đông, hoặc là lừa đảo, gạt gẫm một bậc chân tu, một cá nhân đức hạnh, thì cái tội này nặng kinh hoàng lắm. Nhớ nghe!

Tôi nhớ có chuyện bà đó đi nghỉ mát, chèo thuyền trên hồ. Hồ đó người ta cấm câu cá, nhưng trên thuyền bà có cái cần câu để kể bên, mà bà đang nằm đọc sách. Thì cảnh sát tới phạt bà. Bà nói: “Không, tôi để cần câu đây nhưng thực ra tôi câu chỗ cho phép, chỗ không cho thì tôi đọc sách”.

Cảnh sát không chịu, nói: “Bà thấy tôi bà không câu, chớ không có tôi thì bà câu”. Hai bên giằng co vậy thì bà này nói: “Ông cho tôi cái tội danh đi, tại sao ông phạt tôi?”. Ông nói: “Bà không câu nhưng bà có dụng cụ câu cá”. Bà mới nói: “Nếu tôi là làng ông cưỡng hiếp tôi thì ông có chịu không?”. Ông cảnh sát mới nói: “Tôi có làm gì mà bà nói cưỡng hiếp?”. Bà mới nói: “Ông không cưỡng hiếp nhưng ông có dụng cụ cưỡng hiếp”. Thì ông cảnh sát bỏ đi!

Ở đây cũng vậy. Có những trường hợp có cần câu là có tội, nhưng có những trường hợp có cần câu là không có tội. Có trường hợp mình có dụng cụ gây án mà không có tội, nhưng có trường hợp có dụng cụ mà có tội. Chớ không phải lúc nào cũng như lúc nào, nghe!

Bài Kinh Khó Tìm Được

Tiếp theo mình học bài Kinh “Khó tìm được”.

Ở đời này có ba hạng người khó tìm. Tôi nhớ tôi giảng, tôi ngưng, có nhắc bài Kinh này hoài, thì bữa nay mới thấy nè, để cho bà con tận mắt nghe!

Thứ nhất, chư Phật là những người khó tìm thấy ở đời.

Hạng người thứ hai khó tìm thấy ở đời là người có thể thuyết giảng Phật pháp một cách chín chắn, không sai lạc Kinh điển.

Hạng thứ ba mới là ghê: là người biết ơn khó tìm được ở đời.

Trường hợp thứ nhất, chư Phật khó tìm ở đời, tôi nghĩ bà con nghe nhiều rồi, tôi chỉ nói sơ thôi.

Các vị tướng tởng đi: ai trên đời này có khả năng thương được người dưng? Thương được người không mắc mớ, không ớn nghĩa gì với mình. Quý vị kiếm được trên đời này có kẻ nào như vậy? Có nghĩa là khơi khơi đem lòng thương mến, giúp đỡ một kẻ không ớn nghĩa, không quen biết, không tình cảm gì hết là đã khó, nói chi một kẻ có thể đem lòng yêu thương tất cả vạn loại chúng sinh. Trong đó thương luôn kẻ thù, kẻ mới vừa đâm cha chém chú mình, mình vẫn thương được. Chỉ có Bồ tát thôi.

Bồ tát là những người trước hết là có đủ trí tuệ để thấy mọi thứ ở đời là đáng chán, mọi thứ ở đời là đau khổ. Đó là đại trí.

Thứ hai, Bồ tát là người có lòng đại bi. Thấy đời khổ như vậy mà tại sao người ta không thấy? Bây giờ mình phải làm sao để giúp cho người ta thấy đời là khổ rồi cùng nhau thoát khổ. Đây là đại bi.

Khi có đại trí, đại bi thì đương nhiên có cái đại dũng, nghĩa là đại hùng, đại lực. Nghĩa là khó khăn nào Ngài cũng không chùn bước. Dấn thân vào lửa đạn, gánh hết khổ nạn dân gian trong vô số kiếp để cuối cùng hoàn thiện bản thân, trở thành bậc Tứ sanh Từ phụ, Thiên nhân chỉ Đạo sư.

Tôi nhắc lại, chỉ có khả năng thương cái người dưng đã khó, còn nói chi là thương vạn loài chúng sanh, trong đó có cả kẻ thù, cái người trong tay họ còn tanh máu người thân mình, họ vừa đâm chém người thân mình, Bồ tát vẫn còn thương được. Các vị tướng tởng trong vô lượng chúng sanh có bao nhiêu người có cái đại hùng, đại lực, đại bi, đại trí, đại tuệ để mà làm Bồ tát? Mà nếu Bồ tát hiếm thì có nghĩa là chư Phật cũng hiếm. Vì sao? Là vì trong vô số chúng sanh tào lao mới có được một vị nuôi Bồ-đề tâm, hạnh Bồ-đề thành Phật. Mà trong vô số vị nuôi hạnh Bồ-đề, chỉ có một vị thành Phật thôi, quý vị biết không?

Trong Kinh nói mỗi lần có vị Chánh Đăng Giác ra đời, biết bao nhiêu nhân thiên, long vương, Càn-thát-bà, Kim-sí-diểu nhìn thấy Ngài, rất nhiều kẻ cũng phát Bồ-đề tâm, nguyện thành Phật. Nhưng sau khi Phật khuất rồi thì số người tiếp tục theo đuổi lý tưởng đó nó rơi rớt, rụng nhanh hơn lá mùa thu.

Trong Kinh nói Thế Tôn khi Ngài hóa hiện song thuyết pháp trên cõi trời, khi Ngài chuyển Pháp luân, khi Ngài thuyết bài Kinh quan trọng có đông đảo thánh chúng, người ta quan sát hạnh của Ngài, hảo tướng, hào quang, nụ cười, nghe giọng nói của Ngài, người ta dám chết cho Ngài. Họ muốn thiết tha trở thành một vị Phật giống như Ngài. Nhưng khi khuất Ngài rồi, người ta trở về với con đường rác rưởi của người ta như cũ. Không có bao nhiêu người theo đuổi được cái hạnh Bồ-đề đâu quý vị. Có người đi được một phần triệu đoạn đường là bỏ cuộc, một phần tỷ đoạn đường là bỏ cuộc. Có người đi được một phần ngàn, một phần trăm, một phần mười đoạn đường là bỏ cuộc. Cuối cùng họ chỉ trở thành Độc Giác thôi. Hoặc thấp một chút thành Chí thượng Thinh văn. Thấp chút nữa là Đại thinh văn. Còn không là chỉ cầu giải thoát thôi. Ổn quá, đường xa vạn dặm, nghe!

Trong Kinh nói vị Chánh Đăng Giác khi muốn thọ ký cho ai là người sẽ thành Phật, thí dụ trước mặt Ngài là ba vị Bồ tát quỳ lạy, nguyện trở thành vị Phật, thì không phải ai Ngài cũng gật đầu. Ngài phải coi trong ba ông đó, ông nào có gan dám xuống địa ngục ngay bây giờ nè, chớ không đợi ngày mai, ngay bây giờ xuống địa ngục nằm ở đó chờ trong mấy chục A-tăng-kỳ để thành Phật thì Ngài mới thọ ký.

Các vị hỏi tôi: Sư dựa vào Kinh nào? Sẵn đây tôi nói, người Việt mình sợ đọc Kinh. Bữa hôm tôi giảng về Diêm Vương, có đám tào lao nào bên Việt Nam họ không có xem Kinh sách, họ nghe tôi giảng mới trích lại trên Shinsapa, họ nói thế này: “Không biết Sư giảng về Diêm Vương, Sư dựa vào đâu?”. Nếu con bò mà biết đọc Kinh thì nó cũng biết là tôi giảng trên Chú giải Kinh Trung Bộ, bài Kinh Hiền Ngu.

Cái chỗ mà tôi nói Phật chỉ thọ ký cho người nào có cái gan đi vào địa ngục để chờ thành Phật, thì tôi nói luôn đó là trong Chú giải Kinh Bản Sự. Sẵn đây tôi cũng xin lỗi

luôn những người hiền lương trong room này phải nghe tôi mắng thiên hạ. Mà tôi không thể không mắng, bắt tôi hiền hoài. Trong Kinh nói con rắn nó hiền, không cắn ai, nhưng lâu lâu phải khè một cái cho người ta đừng tưởng nó là sợi dây. Người ta đem cột củi, đau thân con rắn lắm. Rồi!

Trong Chú giải, là Bốn sự, có ghi rõ là chư Phật chỉ thọ ký cho kẻ nào Ngài xét thấy dám xuống địa ngục nằm chờ thành Phật. Có nghĩa là không ngại gian khó, Ngài mới thọ ký. Còn kẻ ngẫu hứng nhất thời nguyện tùm lum tà la, cái đầu như con tép, cái gan như con chó thì không Phật nào thọ ký hết trơn.

Cho nên chư Phật là hiếm ở đời, gặp được Phật không phải là chuyện dễ. Đây là lý do thứ nhất được gọi là chư Phật là người khó tìm.

Mà nếu chư Phật là người khó tìm thì điều đương nhiên thứ hai rất là dễ hiểu. Nếu chư Phật khó tìm thì cái người nghe được Phật pháp làm sao nhiều được? Mà trong số những người nghe được Phật pháp thì có bao nhiêu người có thể trùng tuyên, thuyết giảng một cách chính xác, có lương tâm, có tinh thần trách nhiệm? Có trí để hiểu là chuyện khó, mà có lòng từ bi để nói năng một cách trách nhiệm lại càng khó hơn.

Cho nên hễ chư Phật là hiếm hoi thì cái người có thể trùng tuyên, thuyết giảng lời Phật mà theo tiêu chí trí tuệ và từ bi cũng không phải là dễ kiếm.

Hạng người biết tri ân

Hạng người thứ ba khó kiếm ở đời là hạng người biết tri ân. Tôi đã nói với quý vị ngàn lần tỷ lần là đừng nghe chữ tri ân tưởng là dễ. Nó khó dữ lắm, nó khó lắm! Trong tất cả phạm phu chúng ta, cái máu vong ân bội nghĩa nó chiếm hết 99,9% trong huyết quản của mình. Tôi biết nói vậy xúc phạm, nhưng xin nói đó là sự thật. Là sao?

Thứ nhất, chúng ta khi nhận ơn không chịu hiểu đó là ơn, không nhận ra đó là tấm lòng của người khác.

Thứ hai là có nhận ra đi nữa thì mai này chúng ta rất dễ tìm ra cái cơ nào đó để mà phỉ tay. Làm ơn nhớ cái này! Thí dụ, tôi lụm đại ông Quốc Khanh này trong room này nghe. Ông Quốc Khanh mỗi ngày ổng tới nấu ăn, quét nhà, xoa bóp, thờ tôi như ông nội ổng vậy đó. Và trước khi ổng đi, ổng cho tôi 1000 USD. Suốt 10 năm như vậy. Đến năm thứ 11, tự nhiên ổng đổi, không thèm đối xử với tôi như vậy nữa. ổng chuyển qua đối tượng khác. Các vị nghĩ coi tôi đâu

Phải người đại gian đại ác.

Ấy vậy mà tôi xin nói thiệt, ông Quốc Khanh đừng có buồn: đến năm thứ 11 mà ông đổi tông, ông qua đối tượng mới đó, ông nghĩ tôi có giận ông không? Cái đó có thiệt, nói trước đừng buồn nghe.

Người ta nói: “Bạc ơn như sãi, bạc ngãi như làng”, nghĩa là cúng cho ông thầy chùa ăn thì đừng có trách là họ đã quên. Ở đây không phải bạc ơn, mà ngoài đời nói như vậy. Mà theo trong đạo, khi cho mấy ông sư ăn, người ta cầu phước, người ta cho, chớ đâu phải thương mến gì mình.

Thứ hai nữa là mình có nhiều lý do phỉ tay lắm. Mình nghĩ là: nó gặp ai nó cúng người nấy thôi, giờ nó bỏ mình rồi. Mà chắc trước khi bỏ nó khinh mình rồi, nó có nghe thị phi, đàm tiếu về mình. Nói chung, cái ơn 10 năm qua coi như một cái phỉ tay nhẹ là mất sạch.

Đó là tôi ví dụ về tôi đó nghe. Tôi đành đem tôi ra hy sinh chớ biết chắc trong room toàn là vậy không!

Thứ nhất, khi nhận ơn người, ta hiếm khi chịu nhận đó là tấm lòng người khác bằng sự cảm kích. Thứ hai, dầu có nhận ra, sau đó sớm muộn gì ta cũng dựa duyên cớ nào đó để phỉ nó đi. Thứ ba, cho dầu chúng ta không tệ đến mức phỉ nó đi, thì chúng ta cũng hiếm người tìm cơ hội để báo đáp. Đây là ba lý do Phật dạy cái kẻ biết tri ân khó kiếm vô cùng!

Ngài Xá Lợi Phất có một người đệ tử lớn tuổi, già chát, đi vô tu không ông sư nào nhận hết. Có ông nói chắc ông này già sống không nổi, vô chùa kiếm cơm. Có ông nói nhẹ hơn chút, nói chắc già quá rồi cũng muốn tu để kiếm chỗ mà đi, có điều lỡ sớm hôm trặc tay trặc chân, trúng gió trúng máy ai lo, thôi cũng từ chối luôn. Cuối cùng không ai nhận.

Riêng Ngài Xá Lợi Phất nhận, vì hai lý do sau.

Một là với huệ căn, Ngài biết rõ đây là vị pháp khí thượng căn chớ không phải xác phàm bình thường.

Thứ hai, vì ơn nghĩa ông này trước đây từng hộ trì Ngài bằng một ít cơm nguội trong lần Ngài đi bát ngang làng ống.

Chư Tăng ngạc nhiên hỏi, thì Ngài không nói chuyện mà vị này sẽ trở thành nhân vật lớn, mà Ngài chỉ nói: “Tôi nhận ông cụ vì ông cụ đã từng cho tôi một vá cơm.” Nghe!

Bậc hiền trí ở đời khi ngồi trú mưa trú nắng dưới một gốc cây, khi ra đi không nở bứt bẻ cành nhánh của cái cây đã che chở cho mình, thì nói chi phải tay với tấm lòng người ta hướng về mình, dầu với một nghĩa cử nhỏ xíu.

Đó là về vật chất. Về tinh thần, một câu nói của người ta mà giúp mình được an lạc trong vài giờ; một câu nói của người ta mà giúp cho mình thay đổi hướng sống; một câu nói giúp mình không hoang phí một kiếp người, không hoang phí cơ hội gặp Chánh pháp, thì đó cũng là cái ơn.

Tôi không bắt quí vị trong room này mang ơn tôi. Tôi biết nói vậy nhiều người cười thầm, cười khẩy, cười đều. Nhưng tôi phải nói thiệt: lẽ ra trong một trường hợp chừng mực nào đó, quí vị phải mang ơn người đã hiến tặng cho mình những suy nghĩ, những nhận thức về Phật pháp, nghe!

Đây là ba hạng người khó tìm ở đời. Tiếp theo là ba hạng người nữa.

BÀI KINH ƯỚC LƯỢNG

Đức Phật Ngài dạy trong đời này, vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh gom lại chỉ nằm trong ba hạng người sau đây.

Thứ nhất là dễ ước lượng. Ước lượng đây là cân, đong, đo, đếm.

Hạng thứ hai là khó ước lượng, có nghĩa là thấy vậy mà không phải vậy.

Hạng thứ ba là không thể ước lượng, có nghĩa là mình không cùng đẳng cấp thì đừng có ngồi tơ tưởng đến chuyện đánh giá, nhận xét người ta.

1. Hạng người dễ ước lượng

Là những người không thu thúc lục căn, nói nhiều, kiêu mạn, không chánh niệm, không thiền định. Họ giống như cái mặt ruộng nước lặn tăn lặn tăn. Mình thấy mặt ruộng làm sao thì nó đúng là như vậy: trên là nước, cách đó một hai tấc là sinh, hết. Có chút đỉnh cá, chút đỉnh cua trong đó là... xong.

2. Hạng người khó ước lượng

Loại người này khó ước lượng là bởi họ giống như mặt sông, mặt hồ. Có nghĩa là mình thấy con vịt lội trong ruộng nó cũng nổi và chìm mất hai cái chân, mà con vịt nó lội ra ngoài sông, ngoài hồ thì nó cũng chìm mất hai cái chân. Nhưng mình đừng nhìn con vịt mà nghĩ cái chiều sâu của ruộng và độ sâu của hồ, của sông nó giống nhau.

Thấy cũng mặt nước lặn tăn, nhưng bên dưới ruộng chừng một hai tấc là mình đã thấy sinh. Chớ mặt sông, mặt hồ, bên dưới mặt nước cũng lặn tăn đó, không biết được là nó sâu bao nhiêu. Chỗ này khác chỗ kia, rất vô chừng.

Thí dụ ta có thể giả định độ sâu thông thường của hồ là 5 mét, 7 mét. Nhưng đặc biệt hồ Loch Ness có chỗ sâu tới hơn trăm mấy chục mét hay hai trăm mét. Nhưng biển thì rất khó nói, có khi sát bờ nó sâu thẳm, mà cũng có khi xa bờ là một cái cồn cát thì

lại cạn. Trên thế giới trừ ra khe núi Mariana thì 11 cây số, mấy chỗ khác 8 cây, 9 cây, hoặc tự nhiên kể chỗ 8 cây nó quất một cái 5 cây, kể bên chỗ 8 cây nó giảm xuống còn một cây rưỡi, thí dụ vậy.

Ở đời cũng có ba hạng người. Hạng thứ nhất là dễ ước lượng, họ như cái mặt ruộng, thấy sao nó vậy. Hạng thứ nhất này là ác phàm phu. Phàm phu có hai hạng là thiện phàm phu và ác phàm phu. Ác phàm phu là hạng sống thuần túy trong phiền não, trong lòng tham sân si, ngoài thân, ngoài khẩu cũng tham sân si, là hạng dễ ước lượng.

Còn hạng thiện phàm phu là khó ước lượng là vì thấy họ sân hận, tham lam như vậy nhưng bên trong họ có nội hàm. Hoặc trường hợp thứ hai, thấy họ ngồi lim dim như vậy nhưng thực sự mình không biết bây giờ họ đang tu Thiền Chỉ hay tu Thiền Quán, không biết họ có đắc gì chưa, không biết họ đang trú Giới hay trú Định, trú Tuệ, mình không biết. Nghĩa là mình nhìn mình không biết họ đang sống trong thiện pháp nào hoặc ác pháp nào.

Bởi vì chỉ có người thiện, thiện phàm phu, mới có hai lựa chọn vừa thiện vừa ác; nhưng kẻ ác phàm phu họ chỉ có một cảnh giới duy nhất, đó là thấy mặt họ thì biết không tham thì sân, không sân thì tham. Cho nên loại thiện phàm phu khó lường, chớ còn ác phàm phu thì rất dễ lường.

3. Hạng không thể ước lượng

Hạng thứ ba không thể ước lượng, đó là vị La-hán.

Tại sao ở đây Ngài không nói đến vị Hữu học? Là bởi vị Hữu học được kể vào hạng thứ hai, chung nhóm với hạng thiện phàm phu. Nghĩa là vị Hữu học cũng còn phiền não, có lúc họ sống bằng tâm thiện, có lúc họ sống bằng tâm bất thiện. Nhưng ở đây hiểm là bởi vì hạng Hữu học chỉ có mặt trên đời khi có vị Chánh Đẳng Giác ra đời mà thôi.

Còn hạng La-hán thì đâu có Chánh Đăng Giác ra đời hay không có Chánh Đăng Giác, thì vị La-hán cũng có thể có mặt, đó là trường hợp các vị Phật Độc Giác.

Nhớ cái này!

Tại sao hạng La-hán là không thể ước lượng? Trong kinh có ghi rõ: tầng thánh nào biết rõ tầng thánh ấy. Chúng sanh đẳng cấp nào biết rõ đẳng cấp ấy.

Con nai chỉ thông thuộc đường đi nước bước của đồng loại nó thôi. Con chim nó chỉ biết đường đi nước bước của đồng loại nó thôi. Con người chỉ thông thuộc đường đi nước bước của mình, của dân tộc mình, của người đồng hương cùng bản quán với mình thôi.

Xa hơn chút, người có đặc thiên thì họ mới hiểu nhau. Người có thần thông họ mới hiểu nhau. Lên chút nữa, vị Tu-đà-hườn có nhận thức về Bốn Đế giống nhau. Khi họ nói chuyện với nhau lâu ngày, họ sẽ biết trình độ đối phương. Nhưng cái nhận thức của vị Tư-đà-hàm về Bốn Đế không giống như nhận thức của vị Tu-đà-hườn. Nhận thức của vị A-na-hàm về Bốn Đế nó không giống như của vị Tư-đà-hàm.

Và vị A-na-hàm, tầng Tam quả, biết rõ hai tầng thánh thấp là vì họ đã từng đi qua. Riêng với trình độ La-hán thì vị A-na-hàm không tài nào hiểu được hết. Nhớ nhe! Vị đó chỉ hiểu cách đại khái: A-la-hán hết phiền não, còn mình còn lại năm thượng phần kiết sử. Chớ còn cái sự trong sạch, an lạc, cái nhận thức của vị La-hán về Bốn Đế, về mười hai duyên khởi, về năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, dứt khoát có điểm khác so với A-na-hàm.

Vì sao? Là vì những cái đó nằm trong Bốn Đế. Mười hai xứ, năm uẩn, mười tám giới nằm trong Bốn Đế, mà cái nhận thức của A-na-hàm về Bốn Đế chưa được rốt ráo như A-la-hán. Cho nên vị này biết rõ vị A-la-hán hơn mình, nhưng hơn kiểu gì, hơn như thế nào thì vị A-na-hàm không biết được.

Cho nên vị A-la-hán được xem là quả vị không thể ước lượng, không thể đo lường, cân đong đo đếm được đối với các hạng chúng sinh còn lại trong đời. Nhớ nhe!

Sẵn đây tôi cho các vị biết luôn một chỗ: ai đọc được ngoại ngữ thì đọc Chú giải của kinh Hoan Hỷ, Trường Bộ Kinh. Trường Bộ có ba mươi bốn bài, trong đó có bài kinh Tự Hoan Hỷ của ngài Xá-lợi-phất.

Thì Chú giải trong đó nói thế này: chúng sanh trong đời tùy trình độ trí tuệ rồi thiện căn nhiều đời mà chúng ta có một nhận thức, một niềm tin khác nhau về Đức Phật. Có nghĩa là mình cùng học Phật, cùng lạy Phật, cùng học pháp Phật, cùng hành trì lời Phật, nhưng có một nỗi, một điều đặc biệt là tùy trình độ nhận thức, tùy cái ba-la-mật của mỗi cá nhân mà chúng ta hiểu được bao nhiêu, nhớ được bao nhiêu, hành trì được bao nhiêu.

Từ đó, trên nền tảng rất đổi riêng tư ấy, cái hiểu biết, cái hình dung của chúng ta về Đức Phật không cách chi mà giống nhau được hết.

Người nhiều trí tuệ họ hình dung Đức Phật không giống như người có nhiều từ bi. Người có nhiều từ tâm họ hình dung Đức Phật giống như người giỏi thiền định. Người thích bố thí hình dung Đức Phật không giống như người thích học giáo lý. Người thích học giáo lý họ hình dung không giống như người thích giữ giới, phục vụ.

Có nghĩa tùy vào căn cơ, trình độ, khuynh hướng tâm lý mà mỗi người một kiểu nhận thức, hình dung về Phật khác nhau. Mà nếu hình dung, nhận thức về Phật khác nhau thì niềm tin về Phật cũng không giống nhau. Nếu tin và hiểu về Phật không giống nhau thì chắc chắn công đức cũng không giống nhau.

Do đó không phải ông sư nào ngồi lạy Phật cũng phước báo giống nhau hết. Cư sĩ cũng vậy, không phải ai mặc áo dà, áo lam, áo dài, đội bông đội đèn, lạy Phật, thắp đèn, dâng cúng hoa trái rồi công đức giống nhau. Chuyện này là không có! Bởi còn tùy vào anh có học giáo lý hay không, anh hiểu được lời Phật bao nhiêu.

Tàu có câu: “Nê Phật bất độ thủy. Mộc Phật bất độ hỏa. Kim Phật bất độ lô”. Phật bằng đất sét kỵ nước. Phật bằng gỗ kỵ lửa. Phật bằng vàng kỵ lò khè của ông thợ bạc.

Nghĩa là hình tượng Phật trong lòng mỗi người có cái độ bền chắc khác nhau. Có người niệm Phật tùm lum nhưng Phật trong lòng họ bằng giấy, chỉ cần mắc mưa là xong, mỗi ăn là xong.

Mắc mưa, mỗi ăn đây là gì? Tức là chỉ cần họ bị nghe tai tiếng thị phi là họ bỏ chùa. Như vậy trong lòng những người này chỉ thờ Phật giấy thôi.

Có người khá hơn, khả năng chịu đựng kiên cường hơn một chút, thì phải đợi cái gì ghê gớm hơn một chút họ mới bỏ chùa bỏ Phật mà đi. Trường hợp đó gọi là thờ Phật bằng gỗ. Còn thờ Phật bằng đất sét, bằng đất nung, bằng ceramic. Có người thờ Phật bằng vàng, bằng platinum, bằng platin, thí dụ vậy, tùy.

Còn có người trong lòng họ thì Đức Phật kiên cố như titanium, titan đó, như inox, gặp nước biển cũng không sao. Có người thì tượng Phật trong lòng họ chỉ bằng sắt thôi, gặp mặn mặn là sét. Tôi thấy cái này có thiệt. Nhiều người vô chùa buồn thiệt, khóc vài trận, nước mắt họ mặn, tượng Phật trong lòng họ bị sét, họ bỏ đạo luôn. Nhe!

Như vậy thì tùy trình độ, căn cơ mỗi người mà chúng ta hiểu được Phật bao nhiêu. Trong kinh nói người trên đời này hiểu được Phật Chánh Đẳng Chánh Giác nhất, chỉ có chư Phật Chánh Đẳng Giác mới hiểu với nhau. Dưới chư Phật Chánh Đẳng Giác, chỉ có Độc Giác hiểu được chư Phật Chánh Đẳng Giác ở một mức độ tương xứng với đất chứng, sở chứng của mình, nhưng không thể hiểu như là chư Phật Chánh Đẳng Giác với nhau.

Trong hàng Thinh văn, vị Đệ nhất trí tuệ như ngài Xá-lợi-phất thì ngài hiểu về Đức Phật nhiều hơn những vị Thinh văn khác. Rồi ngài Mục-kiền-liên hiểu về Đức Phật thua ngài Xá-lợi-phất một chút, rồi cứ như vậy.

Ở bài kinh này Đức Phật nói đến ba hạng người: dễ ước lượng, khó ước lượng và không thể ước lượng là như vậy. Hạng thứ ba là A-la-hán, mà A-la-hán cũng có ba hạng là Độc Giác, Thinh Văn Giác và Toàn Giác.

Toàn Giác là tự mình giác ngộ không cần thầy, nhưng cũng có thể làm thầy cho người khác được giác ngộ như mình. Còn Độc Giác là tự mình giác ngộ không cần thầy, nhưng cũng không thể làm thầy cho ai. Hạng Thinh Văn Giác trên thì phải thờ Chánh Đẳng Giác làm thầy, nhưng dưới mình cũng có thể làm thầy để độ cho người khác được đắc chứng La-hán giống như mình. Trong ba hạng này đều là La-hán hết!

Riêng các vị Thánh hữu học, các vị này cũng là Thánh nhưng chưa là La-hán, cho nên so với các quả vị A-la-hán thì quả vị hữu học cũng còn nằm trong tầm dễ hiểu. Còn A-la-hán được xem là không thể hiểu được là bởi vì chỉ có La-hán với nhau mới hiểu được nhau, đó là chưa kể A-la-hán có ba cấp: La-hán Thinh Văn, La-hán Độc Giác và La-hán Chánh Đẳng Giác.

Sẵn đây tôi nói luôn một chuyện mà tôi đã nói không biết bao nhiêu lần. Không có bài kinh nào nghĩa nó cạn hết, quý vị. Tại vì cái đầu mình cạn, mình dờ quá thôi.

Chứ bài kinh Ước Lượng này bà con cho tôi thời gian tôi giảng một tháng chưa hết. Tôi chỉ gợi ý vậy thôi.

Anh có nội hàm càng sâu thì anh mới có thể hiểu được những người có chiều sâu. Có một điều: anh sâu bao nhiêu thì anh mới có thể hiểu được người khác tầm tầm như anh. Còn mình sống nông cạn thì mình không thể nào đo độ sâu của người hơn mình hết. Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, tại sao người sống bất thiện gọi là người nông cạn? Là bởi vì cảnh giới của người bất thiện không có gì ghê gớm hết. Tham, sân, si tạo ra những cái nghiệp hại mình, hại người. Mà hại mình, hại người thì đi về bốn cõi đọa, còn nếu được thân người thì khổ nhiều vui ít. Hết!

Còn riêng về pháp thiện thì nó muôn trùng, không biết bao nhiêu vấn đề để nói. Thiện có nhiều cỡ: thiện của phàm thì có thể đưa mình về các cõi nhân thiên, các cõi Phạm thiên. Còn thiện của các Thánh hữu học thì là cái thiện của một người chờ giải thoát, chờ chấm dứt thiện ác. Còn riêng vị La-hán thì là người không còn thiện ác.

Cái nguồn động lực duy nhất để thúc đẩy thế giới này vận hành, hoạt động và tồn tại hiện hữu, đó chính là thiện và ác. Có kẻ trốn khổ tìm vui bằng cách hành thiện lánh ác. Có kẻ trốn khổ tìm vui bằng cách cứ đề chuyện ác mà làm. Có kẻ lánh ác hành thiện không phải để trốn khổ tìm vui, mà là để chấm dứt thiện ác, buồn vui.

Thì các vị thấy, kẻ còn quẩn quanh trong cái ác là dễ hiểu nhất. Nhưng cái người bắt đầu chạm tới cái thiện rồi là bắt đầu mình mơ hồ về họ, bởi vì cảnh giới họ đi về bắt đầu nó nhiều rồi.

Còn A-la-hán còn ghê gớm nữa. Một người không còn thiện ác nữa thì không còn chỗ để dọa, không còn chỗ để siêu, thì cái người này làm sao mà một kẻ không học Phật pháp có thể nhận ra?

Trong kinh nói có lần đó Đức Phật và 500 vị tỳ kheo ở trong một khu rừng. Buổi chiều hôm đó có một vị tỳ kheo lâm trọng bệnh. Vị này đau quá chịu không nổi mới tự tử. Trong lúc tự cắt cổ họng, đau đớn, vừa bị nghẹt thở, vị này lấy cái đau đó làm đề mục niệm xứ và chứng đắc La-hán. Vị đó tên là Godhika, có nghĩa là người nuôi cắc kè.

Lúc đó Đức Phật và chư Tăng đang ở rất gần chỗ đó mà tại sao Đức Phật không can ngăn? Bởi vì Ngài từng có lần đến thăm vị này, giảng cho vị này nghe về tam tướng, vô ngã của xác thân tâm này. Ngài biết rõ cái nghiệp vị này phải như vậy đó, không thể khác, không thể cứu được, cho nên Đức Phật giảng xong Ngài mới đi về chỗ gần đó.

Thì vị kia sau khi nghe giảng xong, Đức Phật vừa đi khuất thì vị này nghĩ: giờ đau quá chịu không nổi, ngày xưa làm gì có thuốc giảm đau. Thế là Ngài nghĩ giờ thà

chết còn hay hơn, nên Ngài mới tự cắt cổ.

Trong giây phút cận tử, lúc đau đớn quằn quại, thì Ngài lấy nỗi đau đó quán chiếu vô thường, khổ, vô ngã, thấy mọi thứ ở đời là khổ, thích cái gì cũng là thích trong khổ. Muốn hết khổ, đừng thích trong khổ nữa. Sống trong ba nhận thức này được gọi là con đường thoát khổ. Khi Ngài nhận ra cái đó, lập tức đắc quả La-hán và viên tịch.

Lúc đó Đức Phật biết vị này tịch xong thì Ngài nói với chư Tăng:

“Chúng ta hãy cùng đi đến chỗ tỳ kheo Godhika.”

Khi Đức Phật cùng chư Tăng đang trên đường đi đến chỗ đó thì Ngài mới hỏi chư Tăng:

“Này các tỳ kheo, các người có nhìn thấy bốn làn khói từ góc rừng đó tỏa đi bốn hướng hay không?”

Chư Tăng ngược nhìn:

“Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy. Chúng con thấy từ góc rừng có bốn làn khói đen đang tỏa đi. Chúng con không biết nó là cái gì.”

Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Ác ma đó.”

Có điểm đặc biệt là Ác ma nhìn vị nào lớn, đức độ, có trí tuệ, có đạo căn là Ác ma biết liền. Mà hễ nhận ra rồi là Ác ma một là phá, hai là ghét, ba là theo dõi. Còn thứ mà tào lao, Ác ma không dòm. Ông này chuyên môn để ý mấy người tu hành. Ai tu hành tinh tấn là ông ghét.

Đặc biệt ông quan sát thấy ai có đạo căn, pháp khí Đại thừa là ông hay để ý, phá được thì phá, theo dõi được thì theo dõi. Dầu đó là một bà tỳ kheo ni, một sa di 7 tuổi, ông

cũng không tha nữa. Xưa nay ba đời mười phương, hễ là Ác ma thì luôn luôn thích làm chuyện đó. Đó là vua của Tự Tại cung, mình kêu là Ma vương.

Thì lúc đó Ma vương thấy vị này trí tuệ như vậy, đạo hạnh mấy chục năm như vậy, bây giờ chết quẫn quại trong đau đớn cơn bệnh như vậy, coi ông còn tu nổi hay không. Cuối cùng Ác ma thấy vị này tiếp tục tu. Cuối cùng Ác ma thấy vị này chịu nổi đau không được, quyết định tự tử nên Ác ma thích thú:

“Thì ra đệ tử của Đức Phật cũng có người bị thua cuộc.”

Nhưng mà Ác ma vẫn không có chắc là vị này thua. Ác ma tiếp tục theo dõi, thấy vị này trước lúc tắt thở, hình như thôi, chớ Ác ma không biết, Ác ma chỉ biết “hình như” thôi, là trước khi tắt thở vị này đã là con người khác.

Mà con người đó là sao? Không giống ai hết. Ác ma chỉ biết như vậy. Thế là Ác ma đi dò tìm coi vị Godhika này chết rồi đi về đâu. Đây là lý do các vị tỳ kheo nhìn thấy bốn làn khói tỏa đi bốn hướng, là Ác ma đang đi tìm coi vị này tái sanh ở đâu.

Nhưng Ác ma không hề biết rằng con trai của Như Lai, Đức Phật gọi những vị A-la-hán là con trai, bây giờ không còn tái sanh nữa. Điều kiện để luân hồi bây giờ chấm dứt tuyệt đối rồi, làm gì còn có chỗ tái sanh mà đi tìm.

Cho nên đang giảng kinh này tôi trích dẫn cái một chút cho bà con thấy, học kinh để bà con thấy rằng tùy vào trình độ của mình mà mình nhận thức được Phật pháp bao nhiêu, nhận thức được đối phương, người đối diện được bao nhiêu.

Có nhiều người ở ngoài nhìn sâu mà ở trong nó cạn. Nhiều người ở ngoài thấy nó cạn mà ở trong nó sâu. Có nhiều người nhìn trong cạn mà ngoài cũng cạn. Có nhiều người mình nhìn ở ngoài nó sâu mà trong cũng sâu thiệt.

Người mà ngoài cạn trong sâu là sao? Nghĩa là mình thấy họ cũng sinh hoạt bình thường thoải mái, không có gì ghê gớm, không có lim dim, không có đi đứng cà rờ cà rờ, không thấy họ ngồi dưới gốc cây tĩnh tọa, không thấy họ léo hánh tới thiền viện,

thiền thất, rừng sâu núi thẳm, nhưng mà họ có chiều sâu. Nhận thức họ không có meditation nhưng hình thức họ có contemplation, trầm tư. Người như vậy là ngoài họ cạn mà trong họ sâu.

Còn nhiều người ngoài nhìn sâu mà trong cạn là thấy đi đứng lim dim, chậm chạp, làm như chánh niệm miên mật ghê gớm, mà ở trong nghĩ toàn chuyện hại người, nghĩ tầm bậy tầm bạ, tu mà muốn người khác nhìn, muốn người khác biết, muốn được khen. Tôi đã nói rất nhiều.

Thiền có ba loại thiền: Thiền Ấn Độ, tức là thiền kiểu Phật. Thiền thứ hai là Thiền Trung Hoa, kiểu của Lục Tổ Huệ Năng, của Lâm Tế, Bách Trượng, Hoài Hải, Hoảng Nhẫn. Còn mình là thiền Mông Cổ, tức là chỉ giữ cái cổ cho thẳng, cái mông cho vững. Mà đa phần người Việt Nam mình qua Miến Điện tu hơi nhiều, là kiểu ở ngoài thấy sâu mà trong cạn sệt hà!

Còn có người ở ngoài mình thấy lớt lớt vậy mà sâu lút đầu. Còn có người trong sao ngoài vậy. Ở ngoài thấy họ cạn cạn mà trong cũng cạn kiệt. Có người nhìn ở ngoài mình thấy có chiều sâu mà ở trong cũng sâu thiệt.

Rồi, xong bài Kinh Ước Lượng. Giờ qua kinh khác.

Bài Kinh Không Vô Biên Xứ

Bài kinh này hôm qua tôi có nói rồi. Bài kinh dài sọc nhưng mình giảng chừng 3 seconds là xong. Các vị sẽ rất ngạc nhiên khi thấy tôi giảng cơ hồ không mắc mớ gì nguyên văn Chánh Kinh hết.

Trong đây Đức Phật Ngài dạy thế này. Trong Chánh Kinh thì Ngài nhắc đến ba hạng: Thiền, vô... và... Nhưng căn cứ vào Chú giải, căn cứ vào bao nhiêu sở tri khác về các kinh điển khác thì tôi rút gọn nội dung kinh này như thế này:

Ngài nói có những người nhờ tu tập mà được sanh về những cõi này cõi nọ: Dục thiên hoặc Phạm thiên, Sắc giới hoặc Vô sắc. Nhưng nếu không nghe được Chánh

pháp, không nghe được Phật pháp, không biết được giáo lý Duyên khởi và Bốn Đế, không biết được lý Tam tướng trong 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới thì dầu có làm bao nhiêu thiện, dầu có sanh về cõi nào đi nữa, sống mãi thọ ở đó rồi thì cũng trở về cõi thấp nhất, đó là sa đọa.

Hôm qua tôi nói rồi, cõi Dục giới không chỉ là một phần của Tam giới mà nó còn là gốc của Tam giới. Tức là anh đi đâu đi, cuối cùng hết chỗ đi thì anh về đây. Bà mẹ Dục giới lúc nào cũng mở rộng vòng tay để đón nhận những đứa con lưu lạc sanh tử hết.

Nhưng Ngài nói có một điểm đặc biệt là những người từng nghe Phật pháp, Ngài gọi là đệ tử của Như Lai, thì lại khác. Họ cũng hành thiện lánh ác nhưng mục đích của họ không phải để trốn khổ tìm vui, mà là để không còn thiện ác buồn vui nữa. Cho nên họ đi một lèo luôn. Họ cũng đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thiền Sắc, thiền Vô sắc nhưng họ lấy đó làm cái nền để phát triển trí tuệ giải thoát.

Trong khi tuyệt đại đa số chúng sanh trong đời đắc được Sơ thiền là chìm sâu trong Sơ thiền, chết trong Sơ thiền. Có người khá hơn, chán Sơ thiền leo lên Nhị, rồi cũng lụy ở đó. Có người khá hơn leo lên được cõi Tam thiền. Các vị đó muốn leo lên hơi khó chỗ này. Anh muốn leo lên Tam thiền, anh phải chán cái Nhị thiền. Anh muốn lên cái Nhị thiền, anh phải chán cái Sơ thiền. Anh muốn lên cái Sơ thiền, anh phải chán 5 dục. Khổ vậy đó, chứ không phải anh còn khư khư trong tay mà anh leo lên được đâu nghe.

Trong Đạo nó lạ lùng như vậy. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, cái Đạo nó lạ như vậy, nghĩa là khi nào anh thấy anh hay là anh dở ẹc! Bởi vì khi anh thấy anh hay thì làm sao anh đi lên được bậc thang thứ hai, lên được tầng lầu cao hơn được?

Ở ngoài đời, một học sinh tiểu học chỉ cần nó học giỏi thôi, nó kiêu ngạo cỡ nào cũng được, nó học giỏi thì nó cứ lên trung học. Mà nó lên trung học, nó kiêu ngạo cỡ nào đi nữa, miễn nó học giỏi thì nó vẫn thi đậu đại học. Nó lên đại học rồi mà nó kiêu

ngạo cỡ nào đi nữa, miễn là nó tiếp tục giỏi thì nó vẫn lấy được bằng BA và MA, cuối cùng là Ph.D, bảo vệ thành công luận án trước hội đồng giáo sư một cách xuất sắc, mặc dầu anh kiêu ngạo bằng trời, nghe!

Riêng trong Đạo thì không. Trong Đạo, anh thỏa mãn quá sớm với sở đắc, sở chứng, sở tri của mình là coi như anh đứng yên tại chỗ, anh không đi lên được nữa. Mà đứng yên đây có nghĩa là anh sẽ bị chìm xuống! Kinh có nói chỗ này, không tiến tới có nghĩa là đứng yên, mà đứng yên có nghĩa sẽ bị chìm lại. Wow, trong kinh nó lạ lùng lắm!

Cho nên ở đây Ngài nói có sự khác biệt rất là lớn giữa người không phải đệ tử Như Lai với đệ tử Như Lai. Nói nôm na là người không biết Chánh pháp so với người biết Chánh pháp. Người ta ở ngoài đời có tu tập ghê gớm cỡ nào đi nữa, cuối cùng cũng trở về đơn vị gốc. Riêng người biết Phật pháp lại khác, họ không có chết dí ở bất cứ một quãng đường nào. Họ đi cho đến hết hành trình đến cứu cánh thì thôi.

Tôi nhắc lại: Khi ta muốn khoe cái gì đó, nghĩa là ta không có gì đáng để khoe. Mà khi ta bắt đầu có cái gì đó đáng để khoe thì bỗng nhiên ta không còn muốn khoe nữa. Vì trên đời này chỉ có một thứ duy nhất đáng để khoe, đó là cái tâm hồn không thích khoe. Cái lòng không thích khoe là cái duy nhất đáng để khoe.

Cái đạo hạnh của anh đến một mức độ ghê gớm nào đó mới đạt tới trình độ không thích khoe, nghe, chứ không phải khơi khơi mà được ba chữ “không thích khoe” đâu. Mà anh phải tu tập bao nhiêu cái hạnh lành trong bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp anh mới đạt được ba chữ “không thích khoe”. Bởi vì anh thấy anh chỉ là hạt cát, là hạt bụi, là cọng rơm, một làn gió, một giọt nước... có cái gì mà để khoe.

Khi anh thấy anh không muốn khoe thì cái trình độ đó là trình độ đáng để khoe. Nhưng rồi thay, khi anh có cái đáng để khoe thì lại không còn muốn khoe nữa. Bởi vì cái đáng để khoe đó chính là tinh thần “không thích khoe”. Các vị nghe kịp chưa? Còn cái kẻ nào còn thích khoe thì kẻ đó rõ ràng chẳng có cái gì đáng để khoe.

Ở đây trong Chánh Kinh nói đến ba hạng, ba tầng thiên Vô sắc.

Trường hợp tầng thứ nhất là chán Sắc giới, hướng tâm đến tầng thiên Vô sắc, chứng được Hư không vô biên, sống được 20.000 đại kiếp. Kẻ không biết Phật pháp thấy 20.000 đại kiếp quá lâu bèn thích chí vui đầu gục mặt trong đó. Hết 20.000 đại kiếp này rồi kẻ ấy bèn rơi xuống đơn vị gốc.

Trường hợp thứ hai là có những kẻ chán tầng thiên Vô sắc đầu tiên mới tu được tầng thứ hai. Tầng thứ nhất là Hư không vô biên, thấy rằng cái gì còn thuộc về vật chất thì nó còn hữu hạn, còn có biên giới. Kẻ ấy mới suy nghĩ: cái gì trên đời này không còn hữu hạn, không còn biên giới? Vị ấy mới thấy: “Ồ, chỉ có hư không thôi.”

Nhưng khi đắc tầng đầu tiên, vị ấy lại hiểu thêm một chuyện nữa: hư không tuy vô biên nhưng còn bị tâm biết, như vậy tâm mới thật sự vô biên. Như vậy vị này chứng tầng Vô sắc thứ hai. Nếu là người đại căn đại duyên thì chứng luôn tầng thứ ba. Nhưng đa phần chứng ở tầng nào là chết dí ở tầng đó. Đa phần là như vậy.

Cho nên khi đắc...

Tầng thứ hai, biết coi cái bao la của hư không là họ chuyển qua, họ chấp cái bao la của tâm thức. Thế là họ chết dí trong đó, và họ sống trong đó được 40.000 đại kiếp. Thì sao nữa? Họ hết tuổi thọ, họ cũng trở về chỗ thấp nhất là các cõi đọa thôi.

Mặc dù theo trong A-tỳ-đàm, họ không rớt trực tiếp mà họ trải qua một kiếp trung gian. Nghĩa là từ trên các cõi Phạm thiên, họ không sanh thẳng xuống địa ngục, thẳng xuống các cõi súc sanh, mà họ đi qua một kiếp người hoặc kiếp Dục thiên, như là Đao Lợi, Dạ-ma, Đâu-suất... Rồi qua kiếp độn đó, họ mới bắt đầu bất định.

Tôi hỏi các vị, trong cõi sanh tử thăm thăm vô thủy vô chung thì thời gian một kiếp độn nó là bao nhiêu? Cũng giống như mình thấy một triệu dollar nhiều thiệt, nhưng so với tài sản trên toàn vũ trụ này, nó là bao nhiêu? Một tiếng đồng hồ ngồi phờn nắng nó lâu thiệt, nhưng mà so với một năm thì một tiếng đồng hồ nghĩa lý gì. Một năm so

với một thế kỷ đầu nghĩa lý gì. Một thế kỷ so với một triệu năm đầu nghĩa lý gì? Một triệu năm mà so với thời gian hình thành các lục địa thì nó đầu nghĩa lý gì?

Lục địa cũ chìm xuống, lục địa mới trời lên, rồi sự biến thiên, sự rạn nứt trong các lớp vỏ địa cầu, sự hình thành các lớp trầm tích, để có được chừng ấy cuộc biến đầu, thương hải thì nó lên tới hàng tỷ năm. Thì lúc đó một trăm, một triệu năm chẳng nghĩa lý gì hết.

Ở đây cũng vậy. Khổ một chỗ, khi người ta đi vào các cõi Phạm thiên này, người ta lại không thấy nó mong manh. Họ thấy nó đã đời quá đi. Cho nên tận hưởng tuổi thọ đó rồi chết bị đọa.

Còn cái hạng thứ ba mới ghê.

Hạng thứ nhất thấy còn có vật chất là còn hữu hạn, chỉ hư không là vô biên, thế là đắc tầng một.

Hạng thứ hai thấy hư không là vô biên, còn bị tâm biến; như vậy tâm là vô biên, đắc cái tầng thứ hai.

Nhưng cái hạng thứ ba mới trình độ hơn. Nó thấy rằng hư không là vô biên nhưng còn bị tâm biến. Mà tâm tuy vô biên nhưng tâm này còn bị tâm khác biết. Như vậy, cả hư không và cả tâm thức đều là zero hết. Có nghĩa là đạt Vô sở hữu xứ.

Chữ “sở hữu” đây không có nghĩa là possession. “Vô sở hữu” đây là không có gì, không có chỗ sở hữu, là chỗ có không có gì hết. Chứ nhiều người Phật tử, một là không biết tiếng Hán Việt, hai là không biết A-tỳ-đàm, thứ ba là không biết Pali, thế là thấy Vô sở hữu, hiểu vô sở hữu là không có cái quyền sở hữu, cũng sai! Hoặc là họ hiểu ba mớ, họ nghĩ sở hữu đây là sở hữu tâm, cũng sai.

Mà chữ “vô sở hữu” đây hiểu theo nghĩa tiếng Hán đơn giản là không có khi mốc gì hết. Có nghĩa là cái vô biên của hư không cũng là zero, mà cái vô biên của tâm thức cũng là zero. Bởi vì cả hai đều bị tâm biết. Nhớ nghe!

Rồi đến tầng thứ tư, kẻ nào đại căn đại duyên, họ thấy cái tầng thứ ba này cũng là “ruồi bu”. Họ nghĩ: “Phải chi có cái gì đó nó hơn cái này.” Khi họ nhầm chán cái tầng thứ ba thì cái tâm họ lập tức trở nên vi tế hơn, và lúc đó họ an trú vào tầng thiền thứ tư, đó là Phi tưởng phi phi tưởng. Khi họ nhầm chán tầng thứ ba mà cộng với ba-la-mật, phước duyên thiên định nhiều đời, thì họ đắc tầng thứ tư là Phi tưởng phi phi tưởng.

Có nghĩa cũng là cái tâm thứ ba nhưng vi tế hơn, tinh vi hơn, tế nhị hơn. Nó vi tế đến mức mà cái tâm nó nói rằng có cũng không được, mà nói rằng không cũng không được. Chính vì vậy cho nên cái tầng thiền Vô sắc thứ tư này, nó là nhịp cầu nối cuối cùng để một vị Thánh Tam hoặc Tứ quả nhập vào Thiền duyệt, tạm thời chấm dứt tâm thức trong suốt 7 ngày. Chuyện này tôi nói ra chắc bà con nhức đầu tới Tết luôn, nên thôi.

Chịu khó mua cuốn A-tỳ-đàm của tui đó rồi coi dùm, nghe! Mua dùm rồi đọc thêm. Sẵn đây tôi nói luôn, tôi không chùa, không miếu, không đệ tử, không đệ tôn. Tôi bán sách tôi sống, để tui có sức tôi giảng. Tôi bán cháo phôi chớ tui không xin xỏ, không quỳn góp, cho nên quý vị phải mua để tui còn sống nữa... Tôi cũng không thể giảng hết được.

Bây giờ sắp có bản thảo “Kinh nghiệm Tuệ quán” 2, đã có bản thảo “Chuyện phiếm thầy tu” 2, rồi bản thảo quyển “Đò xuôi sơn hạ”. Nhưng rồi từ từ, qua bao nhiêu cái lu bu ngoài trú xứ, xong rồi tui dành thì giờ làm cho nó hoàn tất. Nghe! Tôi bán tôi sống mà, sống để lấy sức giảng Kinh cho bà con nghe, bà con đừng hại bạn nghe! OK!

Mình vừa học xong bài Kinh Không vô biên xứ 114. Bây giờ tiếp qua bài Kinh Khiếm khuyết và viên mãn.

Tôi báo bà con một tin vui. Từ bài Kinh 115 này trở đi là một đồng, một ghe toàn là Kinh trùng không. Kinh trùng có nghĩa là Kinh này giống Kinh kia, học một Kinh là

bằng học 10 Kinh. Cứ trùng là khỏe rồi. Trùng là mai này, trong một tương lai không xa, bà con hoàn toàn có thể vỗ ngực khoe với đời là: “Tôi đã học xong Tăng Chi Bộ Kinh trên 9.000 bài Kinh.” Bởi vì trong đó mình lược đi cái trùng thì còn lại cũng không có bao nhiêu. Mong rằng trước thềm 55 tuổi, tôi không giảng Kinh nữa.

Đặc biệt Tiểu Bộ Kinh, chúng ta có 3 bộ rất đáng để học. Mà khi tôi giảng 3 bộ đó, tôi e là chúng ta phải gặp nhau trong rừng, không nên gặp nhau trên mạng, trên phố nữa. Bởi vì 3 bộ Kinh đó thuần túy nói về kinh nghiệm Tuệ quán, được xem là tài liệu cấp một. Nghĩa là tất cả thiền sư Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan như ngài Pa-Auk, ngài Ledi, khi nói đến kinh nghiệm tuệ quán rất ráo nhất thì vẫn phải lấy 4 quyển đó.

Quyển 1 là Thanh Tịnh Đạo, phần này quý vị đã thấy bản dịch của ni sư Trí Hải rồi. Nhưng đặc biệt ba bản sau đây, cho đến bây giờ tôi chưa tận mắt nhìn thấy bản dịch tiếng Việt nào hết. Một là Đại xiển minh (...), hai là Tiểu xiển minh (...), ba là Vô ngại giải đạo (Patisambhidamagga). Tức là 3 bộ Kinh nằm trong Tiểu Bộ mà coi như tôi đang nôn nao, háo hức, rất là hào hứng chờ đợi lúc cùng với bà con dắt tay nhau bước vào ba cái khu vườn lớn ấy. Nghe!

Tôi nhắc lại, bài Kinh 114 nói rằng: Anh có làm điều thiện bao nhiêu, có đắc chứng cái gì, nhưng nếu anh không có nhàm chán sanh tử thì anh vẫn tiếp tục quẩn quanh. Như bài hôm qua tôi đã giảng rồi, trên đời này có ba hạng chúng sinh:

Hạng một là trốn khổ tìm vui bằng bất cứ giải pháp thiện ác nào mà mình quơ quào nhìn thấy trong tay, trong tầm mắt.

Hạng hai là trốn khổ tìm vui bằng cách hành thiện lánh ác.

Hạng thứ ba là ghê gớm nhất và cũng hiểm hoi nhất, đó là tiếp tục hành thiện lánh ác nhưng để không còn thiện ác buồn vui.

Từ chỗ này chúng ta đã kết thúc bài Kinh 114, làm ơn nghe kỹ lại dùm.

Làm ơn tập sự dùm là nghe. Kinh này được gợi ý bằng vô vàn những ý tưởng khác, là người ta đã nắm tay mình “đến tận bên thềm” rồi. Nhe!

Bài kinh Khiếm khuyết và Viên mãn

Ngài giảng rằng trên đời có ba sự khiếm khuyết, ba sự thiếu sót. Tiếng Pali là vipatti: sự mất mát, khiếm khuyết.

Trong Kinh ghi rất rõ. Ở đời này có nhiều sự mất mát: mất mát về tài sản, về tình thân, về sức khỏe. Nói chung là sự mất mát về vật chất, về tình cảm, nó không phải là sự mất mát ghê gớm. Mà trong Kinh nói chỉ có hai sự mất mát đáng kể thôi. Đó là sự mất mát về giới hạnh và sự mất mát về trí kiến.

Dĩ nhiên, tinh thần ấy cũng có thể được diễn dịch theo một cách khác, nghĩa là sự mất mát về tinh thần đáng kể hơn sự mất mát về vật chất. Cũng có một chỗ khác nói mất mát về Giới, về Định, về Tuệ nó đáng kể hơn là sự mất mát về những cái khác. Riêng bài Kinh mà tôi vừa nói là trong Trường Bộ, Kinh Thập Thượng và Kinh Phúng Tụng có nói cái đó.

Có nghĩa là sự mất mát có nhiều thứ: mất mát về tiền bạc, sức khỏe, tình cảm. Thí dụ mình bị bệnh là mình đang mất mát về sức khỏe; rồi bị sinh ly tử biệt là mất mát về tình cảm; bị trộm cướp, bị cháy nhà, làm ăn thua lỗ... là sự mất mát về tài sản.

Những thứ mất mát đó, tuy là nó lớn, ghê gớm như vậy, nhưng nó chỉ vừa đủ làm đau khổ những người không biết Phật pháp thôi. Chớ với những người biết Phật pháp thì ba loại mất mát này không đủ làm họ tan nát can tràng đâu. Mà cái ghê gớm nhất trong Đạo Phật chính là sự mất mát về đời sống tâm linh, đó là về trí tuệ, về đức hạnh.

Đó, phải nhắc lại Kinh đó mới giảng Kinh này được.

Ở đây ngài Minh Châu dịch là “khiếm khuyết”, nhưng chỗ này tôi không đồng ý. Chữ vipatti, tự điển Pali - Anh dịch là: failure, misfortune, distress, going wrong. Thì các

vị coi, dịch ra tiếng Việt chữ “khiếm khuyết” là nghèo cỡ nào!

Vipatti thứ nhất: sự mất mát về Giới

Trong Kinh nói Giới giống như đôi chân một người. Luân hồi là hành trình vạn lý, một con đường dài vạn dặm, không có chân thì đi bằng cái gì? Giới là phương tiện đi lại. Cho nên cũng có chỗ Giới được ví như là xe, thuyền: “Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền”. Giới là phương tiện. Nếu không có phương tiện đi lại thì mình đi bằng cái gì?

“Ngũ giới bất trì, nhân thiên lộ triệt”: tối thiểu là 5 giới mà không có thì đường về hai ngả trời người coi như đóng kín.

Coi như mất mát đầu tiên, Giới sát sanh: người mà không coi trọng tánh mạng người khác thì đời sau sanh ra làm gì có mạng để sống? Tức là chết non, chết yếu. Còn sống thì sống bệnh, đau đớn, sống khù khờ, cuồng điên.

Thứ hai, Giới lấy của không cho, tức là trộm cướp công khai hoặc là lén lút. Khi mình không coi trọng quyền sở hữu người khác thì mai này mình bị hai cái hoàn cảnh sau đây: một là không có gì để sở hữu; hai là những thứ thuộc sở hữu của mình thì mình cũng không cách gì giữ được. Đó là quả của Giới trộm cướp.

Các vị tưởng tượng, trên đời này không có mạng để sống khổ cỡ nào. Cái khổ thứ hai là không có khả năng sở hữu cái gì; nếu có thì khả năng sở hữu đó rất ngắn hạn. Các vị nghĩ thử có khổ hay không? Chỉ hai cái đầu tiên này là thấy cuộc đời như vũng sình rồi.

Chỉ có Thánh nhân người ta nói không có gì để sở hữu là nói về Tâm. Quên nữa, tôi phải giảng chỗ này để trong room lại hiểu lắm. Đức Phật không có gì để sở hữu không giống người ăn mày. Người ăn mày không có gì sở hữu là bởi vì họ nghèo, họ muốn mà không được, bị vượt tay, bị xống, họ bị mất. Còn Đức Phật là Ngài buông,

Ngài bỏ, Ngài là một cách cố ý, Ngài không thêm nữa. Các vị có phân biệt cái đó không ta? Làm ơn phân biệt cái chữ “không có gì sở hữu” là vậy. Nhớ nhé!

Thứ ba là Giới tà dâm, tà hạnh. Có nghĩa là nếu mình không trân trọng tình cảm người khác thì đời sau sanh ra mình sẽ không có được tình cảm.

Không trân trọng tình cảm người khác có nghĩa là quan hệ tình dục với những đối tượng mà pháp luật và xã hội lên án thì bị gọi là tà dâm. Thí dụ có những quốc gia trên 18 tuổi là người đó hoàn toàn tự quyết đời sống tâm sinh lý của mình. Nhưng có những quốc gia là anh bao nhiêu tuổi không cần biết, kể cả anh 60 tuổi, anh là gái già chát, già khụ, nhưng chỉ cần anh còn có người giám hộ mà ai đó tìm cách gần gũi với anh cũng bị xem là “hái trộm hoa rừng”.

Cho nên Giới tà dâm này tùy vào quan điểm pháp luật, quan điểm xã hội của từng nơi chốn. Mà trong Kinh nói gọn lại là sự quan hệ với những đối tượng nào mà pháp luật và quy định xã hội lên án thì bị xem là tà dâm. Mà khi có lòng như vậy thì đời sau sanh ra, mà là tội nặng thì bị đọa địa ngục, mà nhẹ thì làm người bị phức tạp về giới tính.

Phức tạp về giới tính nghĩa là: một là làm thân nữ; hai là không biết bông hay trái, trai hay bóng; thứ ba là làm thú dễ bị người ta cắt bỏ sinh thực khí. Nếu làm người, may mắn thì cũng dễ bị tịnh thân. Từ trong hoàng cung nhà Thanh chỉ người làm thái giám, công công.

Những nghiệp quái gở như vậy là do nghiệp tà dâm mà ra. Đặc biệt, nó tới khoảng 25 quả xấu của Giới tà dâm, trong đó có một cái quả nghe rất là kỳ, đó là người phạm giới tà dâm đời đời sanh ra làm người, nhìn mặt ai cũng thấy ghét, đầu đó là người cùng phái hay khác phái. Có nghĩa thiên hạ gặp mặt mình, thấy mình là thấy ghét thôi. Kỳ như vậy. Là vì kiếp xưa mình đã từng quá đà trong cái gọi là đời sống tình cảm.

Trong Chú giải Kinh Trường Lão Ni Kệ kể có một cô tiểu thư đẹp người đẹp nết, con nhà giàu sang phú quý. Bao nhiêu vương tôn công tử muốn làm rể, mà lạ một điều là bất cứ anh chàng nào sáp lại cổ chừng 3 ngày là chạy mất dép. Người nhà không hiểu tại sao. Bố mẹ kêu lên hỏi: “Con làm lỗi gì với người ta?”, thì cổ thề bồi trước trời đất: “Con thờ nó như thờ ông cố nội mà không hiểu vì đâu nên vậy.”

Ông mới tìm cách gả tiếp tập 2, gả tập 3. Có đứa gan cũng ở hai ngày, gan nhứt ở một tuần cũng chạy luôn. Cuối cùng, ông bố già quá, không muốn con gái quạnh hiu khi bố mẹ không còn nữa. Ông mới thông báo: “Ngày mai, đứa nào đầu tiên đi ngang nhà ông, ông gả liền, cho không, tặng luôn tài sản.” Các vị còn nghe không?

Coi như sáng hôm sau có thằng cha ăn mày đi ngang. Ông kêu người nhà khiêng thằng ăn mày vô tắm rửa sạch sẽ, thơm tho, bóng loáng, mang giày mang dép, áo dài khăn đóng, nhẫn vàng, dây chuyền, xuyên đeo đầy đầu đầy cổ, đem vô làm lễ giao bôi.

liền gả không, tặng không gia tài, tặng luôn con gái đẹp như tiên.

Anh ăn mày này ở được với cô vợ mấy bữa. Bữa sáng nọ, bố vợ đang điếm tâm, ảnh bò lết từ trong phòng ra, ảnh nói:

“Con lạy cha, con biết đã cô phụ tấm lòng của cha, nhưng cha nói thiệt với con, cái bị, cây gậy bữa hôm của con, cha cho con xin lại, con đi ăn mày tiếp. Con không cách chi ở với vợ con nổi”.

Ông bố mới hỏi:

“Nó có lỗi làm gì?”

Thì anh này nói:

“Dạ thưa cha, trên đời này nếu có một người tốt nhứt, nết na nhứt thì đó phải là vợ con, và nếu có một người đàn bà như vợ con đáng gọi đệ nhị đó thì không ai dám

nhận là đệ nhất hết. Nhưng con xin thưa cha, con không có cách chi mà con nhìn cái mặt bà được. Con chỉ quên được khi con ngủ thôi. Cha cho con đi ăn mỳ tiếp. Con thà chết đầu đường xó chợ. Con không thể nào ở được. Con lạy cha”.

Thì thôi, ông cho nó đi. Cô này buồn quá, nghĩ ăn mỳ mà còn chê mình thì vô phương rồi. Cố đi lang thang trên đường như kẻ mất hồn, tình cờ ngang chùa, nghe Phật pháp, cố quyết định đi xuất gia. Rồi cố đắc A-la-hán.

Khi cố đắc A-la-hán rồi, cố mới quán lại: 14 kiếp về trước, cố là một công tử đào hoa phong nhã, cực kỳ phong lưu. Bao nhiêu phụ nữ đã chết dưới tay cố trong kiếp làm công tử ấy. Cố đã chà đạp, giày xéo bao nhiêu tấm chân tình, bao nhiêu trái tim rướm máu của người ta, để từ đó chết, cố đi vào địa ngục.

Trải suốt 14 kiếp liên tục, đời đời kiếp kiếp sanh ra không bị thiến cũng bị làm bóng hay trái trai hay bóng mơ hồ không ai biết. Mà cứ hườn hườn là làm đàn bà cho đàn ông trù dập, chà đạp, khinh bỉ, coi rẻ. Mà kiếp cuối cùng đắc A-la-hán cũng còn khổ tập chót cho nó đủ gọi là toàn tập.

Rồi nói láo cũng vậy. Khi mình không tôn trọng sự thật, mình sẽ không thấy được sự thật. Mà muốn làm Thánh nhân, anh phải thấy được sự thật. Muốn thấy được sự thật, anh phải yêu quý sự thật. Mà bây giờ anh không biết quý sự thật thì làm sao một ngày mà anh hiểu ra được tất cả sự thật. Nghe!

Rồi nói hai lưỡi là chọt cho chúng nó chém nhau, thay vì dựng lên cái cầu thông cảm thì người ta lại dựng lên những bức tường ngăn cách.

Còn nói lời độc ác là lẽ ra nói lời xoa dịu, làm trái tim đang đau khổ nó được an lành. Nói cho trái tim đang rỉ máu được lành lặn. Nói cho trái tim dậy lửa được mát mẻ. Đẳng này, nói cho người ta nổi điên lên. Đó là nói lời độc ác.

Nói lời phù phiếm là kiếp người ngắn ngủi, chúng ta đâu có bao nhiêu thời gian để ngồi lại nói cho nhau nghe những điều lợi ích. Ấy vậy mà chúng ta đốt thời gian, đập

nát đồng hồ bằng những câu nói hại mình, hại người, không có lợi ích gì hết. Đó là nói lời phù phiếm.

Một người sống y chang như những gì kể trên đây được gọi là mất mát về đức hạnh, là mất mát về Giới.

Mất mát về Tâm

Mất mát về Tâm ở đây là sống thuần túy trong phiền não. Chúng ta biết phiền não có ba: một là phiền não thô thiển; hai là phiền não kín khuất; ba là phiền não tiềm tàng.

Phiền não thô thiển, tiếng Pali là vitikkamakilesa, có nghĩa là phiền não biểu hiện qua thân và khẩu, hành động và lời nói, gọi là vitikkamakilesa.

Loại thứ hai là pariyutthanakilesa, là phiền não xuất hiện trong tâm của mình thôi, mình biết và những người có thần thông biết.

Loại thứ ba là anusayakilesa. Có nghĩa là loại phiền não chỉ nằm trong diện khả năng thôi. Ngay bây giờ, quý vị đang có lòng từ bi, kham nhẫn, thiền định, trí tuệ, chánh niệm. Nhưng một lát nữa đây, một phút, một giờ nữa, hai tiếng nữa, một đêm nữa, 24 giờ nữa, chỉ cần có một điều kiện thích hợp là phiền não sẽ bùng bùng như là lửa cháy trên mái tranh. Trường hợp đó là phiền não ở dạng khả năng, tiềm tàng thì được gọi là anusayakilesa.

Trên đây mình thấy có ba mất mát. Trường hợp một là ám chỉ phiền não thô thiển. Trường hợp hai là ám chỉ cho phiền não kín khuất, là phiền não chỉ có ở trong tâm mình, người có thần thông hoặc là bản thân mình biết, chứ còn người ngoài có khi không nhận ra.

Còn phiền não tiềm miên, tức là trong kinh nói chỉ có Thánh nhân mới trừ được thôi quý vị. Tức là vị Tu-đà-hườn vĩnh viễn không còn thân kiến, hoài nghi, ganh tị, bòn xén. Ở đây không nói giới cấm thủ vì giới cấm thủ nằm trong hai cái kia. Thì vị Tu-

đà-huyền vĩnh viễn không có mấy phiền não nữa. Còn những phiền não khác còn nằm trong dạng tùy duyên, gặp điều kiện thì nó cũng xì ra nhưng mà nhẹ thôi.

Tất cả phàm phu chúng ta, dầu chúng ta sanh về cõi Phạm thiên, tâm tư trong sạch, thanh tịnh, trong suốt như pha lê, nhưng hết thời gian trên Phạm thiên lọt xuống đây thì cũng như một đồng rác, một cái hăm cầu như cũ thôi. Nhe!

Cho nên Ngài dạy: một nội tâm mà có tham, có sân, có si là một nội tâm khiếm khuyết, mất mát rất nhiều thứ. Cứ nhớ thế này: mỗi lần chúng ta có phiền não là chúng ta đang mất cơ hội được sanh về các cõi nhân thiên. Đây là lý do vì sao những cái này được gọi là mất mát, là khiếm khuyết.

Nhớ nhe. Cứ ghi nhận cái này: cứ mỗi lần có tham, giận, sân hận, thù oán, ghen tuông, tiếc của, tiếc nuôi, thì cứ suy nghĩ thế này: “Ta vừa làm mất một cơ hội đi về nhân thiên”. Chúng ta có hai cách ghi nhận:

Ghi nhận đó là phiền não gì.

Hai, ghi nhận là ta đang làm mất cơ hội sanh thiên.

Ở đây Đức Phật không nói đến tâm si: “Này các tỳ-kheo. Có người tham lam, có người sân hận. Ta gọi đó là khiếm khuyết về Tâm”. Vì sao vậy? Vì trong A-tỳ-đàm Ngài dạy rằng: “Tham ở đâu thì si nằm ở trong đó. Sân ở đâu thì si cũng nằm trong đó”. Cho nên có trường hợp Đức Phật kể cả ba trường hợp tham, sân, si. Nhưng có trường hợp Phật chỉ kể tham và sân thôi. Tôi chứng minh đó là kinh này. Hoặc là kinh thứ hai là kinh Niệm Xứ:

“Ở đây vị tỳ-kheo tinh cần, tinh giác, chánh niệm, quán thân trong thân, diệt trừ tham ưu ở đời”.

“Ưu” trong trường hợp này là tâm sân đó. Nói tham, ưu mà Ngài không nhắc đến tâm “si” vì sao? Vì tham ở đâu thì si nằm bên dưới, mà sân ở đâu thì si nằm bên dưới. Bởi

vì phải có cái si, nghĩa là mình mù tịt về Bốn đế thì mình mới còn thích cái này, ghét cái kia. Bản chất cái mù tịt đó được gọi là si.

Chính vì mình không biết ăn như vậy là độc, uống như vậy là độc, hoạt động như vậy là có hại cho sức khỏe. Trên nền tảng không biết này, mình mới ăn tầm bậy, uống tầm bậy, sinh hoạt tầm bậy. Cái nền tảng không biết đó được ví dụ giống như vô minh. Có người hỏi tôi: “Si là vô minh trong Bốn đế...”.

mà con đâu biết Bốn Đế là gì đâu mà con si?”, thì tôi ví dụ y chang vậy. Quý vị nghe kịp chưa?

3. Thứ ba là khiếm khuyết về tri kiến.

Cái mất mát về tri kiến trong A-tỳ-đàm nói rất rõ. Từ Tu-đà-hườn, tăng Thánh thấp nhất, trở lên thì mới dứt hẳn tà kiến. Còn bất cứ ai còn là phàm phu, dứt khoát kẻ đó còn có khả năng tà kiến.

Tuy nhiên, Bồ-tát Chánh Đẳng Giác đã được thọ ký rồi thì không còn mắc vào đoạn kiến nữa. Đoạn kiến là phủ nhận nhân quả, phủ nhận triệt để những gì bản thân mình không chứng minh được, không nhìn thấy được, không hiểu được. Nói nôm na đó là đoạn kiến.

Đoạn kiến gồm có ba:

Vô nhân kiến: cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có.

Vô hành kiến: cho rằng thiện ác giống hệt nhau.

Vô hữu kiến: cho rằng cái gì mình không chứng minh được thì cái đó không có. Thí dụ kiếp trước, kiếp sau, luân hồi quả báo, người vô hình khuất mặt, sự chứng đắc của Thánh nhân, bla bla bla... Những cái mình không thấy thì nói là không có. Thì những cái hiểu đó là đoạn kiến.

Còn thường kiến cũng gồm có ba:

Tin là có một cái tôi, có một cái linh hồn đi từ đời này sang kiếp khác, đi từ giây phút này sang giây phút khác, đi từ tháng năm này sang tháng năm khác. Có một thằng Tèo trong bụng mẹ. Có một thằng Tèo lớn lên, biết đi, biết đứng lẫm lẫm. Có một thằng Tèo dậy thì, một thằng Tèo trưởng thành. Có một ông Tèo trung niên, một cụ Tèo 90 tuổi. Cho rằng có một con người đi xuyên thời gian như vậy được gọi là thường kiến.

Thật ra chúng ta phải hiểu rằng chúng ta là sự ráp nối của bốn thứ: thiện, ác, buồn, vui. Thiện đời này là nhân vui đời sau. Ác đời này là nhân khổ đời sau. Vui đời này là quả của thiện đời trước. Khổ đời này là quả của ác đời trước. Trong room có nghe kịp không? Lẽ ra mình phải hiểu như vậy.

Đằng này mình tưởng là có một người nào đó đi từ lúc này qua lúc khác, từ năm này qua năm khác, từ đoạn đời này qua đoạn đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác. Đó là thường kiến thứ nhất.

Thứ hai là tin rằng có những cảnh giới như thiên đàng, cực lạc gì đó đời đời vĩnh cửu, không thay đổi. Ở đó là trường sanh bất tử, là vĩnh hằng hưởng lạc, không già, không bệnh, không chết, không sầu bi khổ ưu não, không sanh ly tử biệt, không mất mát.

Thường kiến thứ ba là tin vào một đấng chí tôn vô thượng sáng tạo muôn loài, có quyền ban phước tha tội, sắp xếp mọi sự ở đời, an bài mọi thứ.

Trong Kinh Hán tạng có một câu quan trọng: “Ninh chấp hữu như Tu Di sơn. Mạc chấp vô như giới tử.” Thà chấp thường kiến còn hơn là chấp đoạn kiến một chút xíu. Thà cái cực thường kiến của mình bự như núi Tu Di mà không nguy hiểm như chấp đoạn kiến nhỏ xíu như hạt cải.

Vì sao? Tà kiến nào cũng là tà kiến, nhưng khi chấp cái thường kiến, mình còn có cơ hội để làm lành lánh dữ, mình còn tin, ít ra còn có dịp nghe Đạo. Còn thứ phủ nhận triệt để, cho rằng chết rồi là hết là coi như... xong! Bởi vì họ không chứng minh được, họ nói không có.

Trong khi họ quên một điều rất sơ đẳng là mình muốn bác cái gì cũng phải có bằng chứng, muốn tin cái gì thì cũng phải có bằng chứng. Các vị nhớ nhé. Nếu mình không tìm ra được bằng chứng thì mình cũng đừng có vội vã bác bỏ. Nhớ cái này, đây là thái độ cẩn thận của người có trí, có tâm hồn. Muốn tin cái gì hoặc bác bỏ cái gì cũng phải có bằng chứng. Trong thời gian chưa tìm ra được bằng chứng thì tốt nhất để nó qua một bên, chớ đừng vội bác. Vội bác sẽ là một thái độ rất phản khoa học.

Hôm nay có rất nhiều người trẻ có bằng đại học, ra điều ta đây có trình độ khoa học nên không tin cái gì hết. Thí dụ họ phủ nhận vấn đề tôn giáo, tâm linh, ma quỷ, kiếp trước, kiếp sau. Nhưng họ quên một điều là khoa học bây giờ không chứng minh những điều đó có, nhưng khoa học cũng chưa chứng minh được là những cái đó nó không.

Các vị nghe kịp chưa, nhớ cái đó nghe! Có một “đồng chí” hơi bự bự trong nước có tham gia đi vào vũ trụ. Có người hỏi: “Đồng chí nghĩ gì về sự có mặt, sự hiện hữu, tồn tại của những người ngoài hành tinh?”, thì vị này phán thẳng rằng: “Thái dương hệ của chúng ta là duy nhất. Chúng ta là cô đơn trong vũ trụ này, tôi không tin vào những người ngoài hành tinh.”

Nói vậy là ầu một chỗ: câu nói của họ sẽ để lại một di hường rất tiêu cực và bất lợi cho bao nhiêu người trẻ thần tượng mình. Đồng thời, đó cũng là một cách nói rất phản khoa học khi chúng ta chưa biết được bao nhiêu về cái vũ trụ này.

Giả định cho đến hôm nay, trong một công bố mới nhất, người ta cho rằng cái đường kính của cái gọi là vũ trụ này nó là 90 tỷ năm ánh sáng. Mà tốc độ ánh sáng là 300.000 km/giây, quý vị tưởng tượng nó lớn cỡ nào. Nhưng trong tinh thần nhà Phật, mấy con số đó là có cho vui. Bởi thứ nhất là mình đo nó bằng cái gì. Thứ hai là cái phương tiện đo này nó có thể cho ra một đáp số khác, phương tiện đo khác lại cho ra một đáp số khác nữa.

Cho nên cái thứ ba, nói về tri kiến, là rất quan trọng. Người không có mắt thì sao mà nhìn. Mà có mắt để nhìn thấy, mà mắt bị cận hay bị viễn thị, loạn thị, lại có vấn đề nữa. Mà khi con mắt có vấn đề thì một phần sáu thế giới này bị đóng lại. Bởi vì thế giới của ta là gồm sáu căn, sáu cánh cửa để nhìn nó.

Cũng như câu: “Mỗi một phút ta giận dữ là ta mất đi 60 giây hạnh phúc.” Mình nghe chính xác quá đâm ra nghi ngờ, nhưng ngẫm lại thì rất đúng, bởi một phút là 60 giây!

Cho nên cái mất mát nào cũng là mất mát, nhưng cái mất mát về tri kiến nó quan trọng vì tri kiến là con mắt tâm linh, con mắt tinh thần. Khi cái nhìn của anh về thế giới có vấn đề thì coi như là chúng ta phải đọc lại cái câu này của Tây: “Thế giới này chính là cái anh nhìn thấy. (The world is what you see).”

Thế giới trong mắt của thằng điên nó không giống thế giới người bình thường. Thế giới trong mắt bậc Thánh của các Ngài không giống như thế giới của chúng ta. Mà thế giới của chúng ta trong mắt các bậc Thánh là thế giới của người điên.

Là vì sao? Vì trong mắt các bậc Thánh, trên đời này không có gì để chúng ta thích hoặc là ghét. Ấy vậy mà chúng ta vẫn cố moi ra cho bằng được cái để thích, cái để ghét, thì các bậc Thánh gọi đó là cái nhìn của trẻ con, cái nhìn của người loạn trí.

Một đứa bé dễ dàng cười vì những cái có không đâu, dễ dàng buồn, khóc, giận vì những cái không đâu, vì nó là con nít. Thì chúng ta trưởng thành rồi, chúng ta không buồn, vui vì những cái không đâu ấy nữa. Thì bậc Thánh cũng vậy.

Các Ngài tìm hoài, từ sáng tới chiều tìm không ra được một lý do nào để mà thích một cái gì, ghét một cái gì hết. Bởi vì thích đi ra từ cái ghét, cái ghét đi ra từ cái thích. Và thích, ghét đi ra từ nhiều cái nhân duyên: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống.

Cái thích của người này lại là cái ghét của người kia. Mà không có cái gì kéo dài quá một sát-na. Ta chưa kịp biết nó là gì thì nó đã thành ra cái khác. Nên những thứ ta

thích, ta ghét toàn là bóng mờ của quá khứ thôi, kính thưa quý vị.

Và xin hẹn gặp lại các vị ngày mai. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành, nhiều mộng đẹp.